

80
Indoch
12



05

SÉRIE A N° 1

ENSÉE DE L'OCCIDENT

Bibliothèque de Traductions

Fondée par :
M. le Résident Supérieur
R-NÉ ROBIN

Dirigée par :
MM. ÉMILE VAYRAC
et
NGUYỄN-VĂN-VĨNH

TRUYỀN

TÊ LÊ MẶC PHIÊU LƯU KÝ

(LES AVENTURES DE TÉLÉMAQUE)

Của ông linh-mục FÉNELON soạn ra

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

diễn quốc-âm

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 7472



1927

EDITIONS DU TRUNG-BẮC-TÀN-VĂN

68, Rue Jules-Ferry

HANOI

Fascicule n° 1

Vertical handwritten text on the left margin: "Cet ouvrage a été tiré au tirage de 20 000 ex. le 15 décembre 1927. Hanoi, les imprimeurs..."



BẢN THƯ - XÃ CÓ BÁN NHỮNG SÁCH NÀY :

LE PARFUM DES HUMANITÉS (*Sử - ký Thanh-hoa*), E. VAYRAC soạn NGUYỄN-VĂN-VĨNH dịch quốc-văn.

Pháp-văn và Quốc-văn đối nhau, mỗi quyển 2 \$ 00

Riêng Pháp-văn hoặc Quốc-văn. 1 . 00

Có in riêng ra 50 quyển bằng giấy sắc làm bằng nguyên giớ

1^o *Thư Pháp-văn và Quốc văn* 10 00

2^o *Thư in riêng Pháp-văn, hay là Quốc-văn mà thôi* 5 . 00

THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE, NGUYỄN-VĂN-VĨNH diễn nôm, hai quyển đóng làm một. 0 . 15

CHUYỆN TRẺ CON PERRAULT, NGUYỄN-VĂN-VĨNH diễn nôm, quyển I 0 . 10

— quyển II. 0 . 10

Những hài-kịch của ông MOLIÈRE, NGUYỄN-VĂN-VĨNH dịch ra quốc-văn, văn Pháp và văn Quốc-ngữ đối nhau

LE MALADE IMAGINAIRE (*Bệnh-tưởng*). 0 . 50

LE BOURGEOIS GENTILHOMME (*Trưởng-giả học làm sang*) 0 . 50

L'AVARE (*Người biển-làn*). 0 . 50

LA PENSÉE DE L'OCCIDENT

Bibliothèque de Traductions

Fondée par :

M. le Résident Supérieur
RENÉ ROBIN

Dirigée par :

MM. ÉMILE VAYRAC
et
NGUYỄN-VĂN-VĨNH

TÊ-LÊ-MẠC PHIÊU LU'U KÝ

(LES AVENTURES DE TÉLÉMAQUE)

Của thầy linh-mục FÉNELON soạn ra

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

diễn nôm

TOME I

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 7472



1927

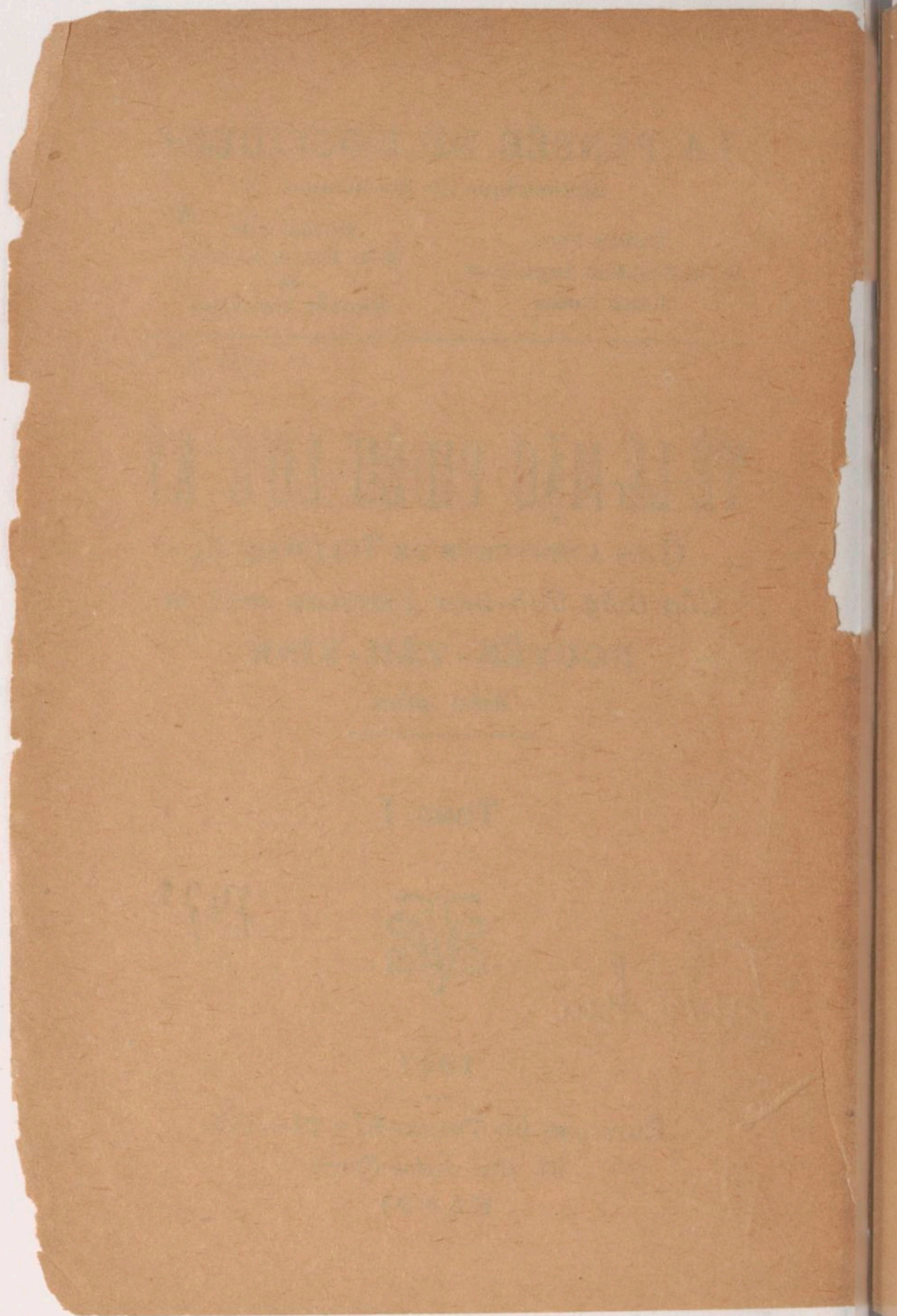
ÉDITIONS DU TRUNG-BẮC-TÂN-VĂN

68, Rue Jules-Ferry

HANOI

8^o Ind. Chín.

~~77~~
12



TỰ A

TIÊU-TRUYỀN THẦY LINH-MỤC PHÊ-NƠ-LONG

François de Salignac de la Mothe Fénelon (Pha-lan-xoa đơ Xa-li-nhắc đơ la Mốt Phê-nơ-long) sinh tại dinh Phê-nơ-long, ở tỉnh Bê-ri-gô (Périgord) ngày mùng 6 tháng 8 năm 1651. Từ thủa nhỏ cha mẹ đã định cho vào nhà giáo. Học ở nhà cho đến năm 12 tuổi, qua học ít lâu ở đại học-đường Ca-hô (Cahors) rồi đến kinh-thành Ba-ri (Paris) vào học ở Học-đường Đu Ba-lê-xi (Du Plessis). Tài của tiên-sinh rất sớm. Năm 15 tuổi đã đứng giảng đạo, lời lẽ rất cao, ai nghe cũng lấy làm phục. Về sau vào tu ở đạo-phái Xanh Xun-bích-xơ (Saint Sulpice), đến năm 1675 thì thụ-giáo. Đức Đại-linh-mục kinh-thành cử tiên-sinh coi việc giáo-dục những phụ-nữ trước theo đạo cải-lương, sau đã hồi Gia-tô giáo. Tiên-sinh nhân đó đã soạn ra sách nữ-tắc (L'Education des Filles).

Đến năm 1689, vua Lô-y XIV cử tiên-sinh làm sư-phó cho Hoàng-tôn là Bô-ngôn quốc-công (Duc de Bourgogne), năm 1693 tiên-sinh được vào Hàn-lâm-viện. Cách hai năm thì vua phong cho làm Đại-linh-mục giáo-đường Cam-bi-rê (Archevêque de Cambrai). Giữa độ ấy thì tiên-sinh kháng-luận với thầy linh-mục Bô-xu-ê (Bossuet) về một vấn-đề tôn-giáo.

Tiên-sinh kém lý xin chịu một cách rất khiêm-nhường, kể đến lại xảy ra một việc làm cho vua Lô-y XIV ghét bỏ. Nguyên tiên-sinh có soạn ra bộ sách « Tê-lê-mặc phiêu lưu ký » này, là để dạy Bô-ngôn quốc-công. Nhưng vẫn phải giấu không dám in ra, sợ động đến lòng vua; mà bởi một người thư-ký đem in trộm ra, Đại-đế cho là ngạo-mạn đến vua và đình-thần bấy giờ. Tiên-sinh phải bỏ việc mà về tu hành tại giáo sở, chỉ chuyên việc làm phúc, cứu người. Tiên-sinh mất tại Cam-bi-rê ngày mùng 7 tháng hai năm 1715. Tiên-sinh đã soạn ra được những sách sau này: năm 1687 soạn sách Nữ-tắc (L'Education des Filles); năm 1712 sách Tê-lê-mặc phiêu lưu ký và sách Tử-nhân đối hoại. Sau lại có in ra sách đối-hoại về nghề hùng-biện và nghề hùng-biện tại giáo-đường; sách Vương-giả tự vấn: Liệt-thánh di huấn thích nghĩa; sách Thiên-chúa hữu vô luận.

Sách « Tê-lê-mặc phiêu lưu ký » này mượn tích ở trong truyện cũ nước Hi-lạp mà ra. Tuy có nhiều truyện thần-tiên, mà truyện thần-tiên Hi-lạp nghĩa-lý cao-xa bóng-bẩy, chỉ không như truyện thần-tiên của ta và của Tàu.

Những tích thần-tiên ấy xin để nói đến đâu chú đến đó, cho người xem hiểu rõ nghĩa.

TÊ-LÊ-MẶC PHIÊU LƯU KỶ

(LES AVENTURES DE TÉLÉMAQUE)

Của thầy linh-mục FÉNELON soạn ra

NGUYỄN-VĂN-VĨNH

diễn nôm

HỒI THỨ NHẤT

Tê-lê-mặc, cùng đi với Men-tô, chính là thần Mi-ne giả dạng, bị bão đắm tàu, dạt vào cù-lao của nữ-thần Ca-líp-xô. Nữ-thần ấy đương nhớ vua U-lich là cha Tê-lê-mặc, cho nên tiếp đãi thái-tử một cách rất hậu. Bem bụng yêu đàng, dõ-dành thái-tử ở cùng thì cho được bắt tử. Ca-líp-xô hỏi vặn căn-do, thái-tử kể truyện lưu-lạc từ thành By-lo-xi đến xứ La-xê-đê-môn, gần đến bờ biển nước Xi-xinh thì tàu bị đắm. Xuýt nữa bị giết để cúng vong-linh An-si-đư. Thái-tử cùng Men-tô cứu được vua A-xét-xĩ, đánh quân giặc mọi. Vua tạ ơn cho chiếc tàu buôn chở về xứ-sở.

Nữ-thần Ca-líp-xô (1) đương nhớ vua U-lich (2) không thể nào khuấy. Từ khi vua đi đến giờ, nàng những bâng-khuâng tơ-tưởng, nghĩ đến cái thân bắt-tử của mình bao nhiêu, thì lại càng đau-đớn bấy nhiêu.

Trong hang đá từ ấy chẳng thấy vang lừng tiếng hát. Các vị tiên-nữ theo hầu thấy nàng buồn rầu chẳng ai dám nói-năng han-hỏi điều gì. Lắm khi nàng một mình đi dạo trên đám cỏ hoa, một mùa xuân không bao giờ hết, tựa như cạp lấy núi Bồng-lai (3). Nhưng cảnh đẹp ấy, đã chẳng làm khuấy dạ nhớ, lại còn như gợi cơn buồn, thấy lá xanh hoa thắm thì lại nhớ đến ai khi xưa cùng ta thưởng gió mát trăng trong. Cũng lắm khi nàng ra đứng trơ như đá ở bên bờ biển, giọt lệ tuôn xuống như mưa, hai mắt luôn luôn nhìn về lối tàu đi mất, thì lại nhớ đến hôm lấy một chiếc mũi chèo, rẽ đôi đám sóng, người còn đứng ngắm, thuyền đã đi xa mù tịt, nào còn thấy bóng nữa đâu. Chợt nhìn thấy mảnh ván lênh-đênh, thuyền đâu vira đắm, này mũi tan tác khắp nơi, nọ chèo dạt trên bãi cát. Đây bánh lái, đó cột buồm; nào thùng nào chảo trôi bồng mỗi nơi một thứ. Đàng xa xa lại thấy hai người, một người như tuổi đã già; người kia tuy còn non trẻ, mà nom mới giống vua U-lich làm sao. Cách-diệu hiền-hòa như ai, mà đường đường vẻ mặt cũng như ai; thân cao dong dạc, dáng-dấp cũng uy-nghi. Nàng đồ ngay là Tê-lê-mặc, chính con trai dấng anh-hùng lòng ta đương nhớ. Dầu thần đối với người, trí thức cao hơn, đã đoán chẳng sai, nhưng

Ca-líp-xô chỉ đoán ra thái-tử mà chẳng biết lão già đầu bạc đi theo thái-tử là ai. Số là thần có bậc trên bậc dưới, bậc trên đã giấu, bậc dưới chẳng đoán được ra. Thần Mi-ne, hiện vào lốt Men-tô (4) đi theo hầu thái-tử Tê-lê-mặc, vốn chẳng muốn cho nữ-thần được biết là mình. Thần Ca-líp-xô lòng những mừng rằng, may có trận phong-ba đánh đắm chiếc thuyền, mà nàng được tiếp con vua U-lich, tựa cha như hệt. Nàng bèn tiến lên, giả như không biết mà hỏi rằng: Hỡi chàng kia, sao đã cả gan chạy vào cù-laô của thiếp? Chàng phải biết rằng chẳng có ai xâm-phạm vào đất ta mà ra được khỏi. Nàng cố lấy lời đe-dọa ấy mà giấu-giếm sự vui mừng trong bụng, nhưng dầu môi chẳng hở, thoát nhia nét mặt đã rành rành.

Thái-tử đáp: Hỡi nàng, dầu nàng là ai mặc lòng, dù là người trần, dù là thần-tiên (mới thoát nhin cũng biết là thần-tiên rồi) nàng há thấy cái đảng cay của người con hiếu này, đi trái phong-ba mà tìm thân-phụ, chẳng may gặp núi tan thuyền, nàng thấy vậy há lại chẳng thương sao? — Thần hỏi: Thân-sinh ra chàng là ai vậy? — Thái-tử đáp: Thân-sinh ra ta là vua U-lich đã mười năm cùng các vua vây riết thành Đắc-la-á sau mới hạ nổi. Tiếng thân sinh ta lừng-lẫ

khắp trong đất Hi-lạp và khắp một Á-châu, can-dảm đã to, đức-hạnh lại nhiều. Hiện thân-sinh ta đương đi vượt biển khắp thiên-hạ, đã trải bao nhiêu nguy-hiểm gian-nan. Giờ không biết thân-sinh ta đi vào nơi nào. Bê-nê-lốp là mẹ ta và ta đây là con ngài, mong đợi đã lâu ngày mà chẳng thấy tin tức, đã mất hy-vọng. Vậy cho nên ta cũng phải đi vượt biển trải gian-nan để kiểm xem ngài ở tại nơi nào. Nhưng biết ngài còn hay mất? Có dễ ngày nay đồng hải-cốt quý báu đương nằm dưới đáy nước mất rồi. Vậy thời, hỡi hỡi nữ-thần! Thương lấy một người con sâu khổ. Nữ-thần có biết tính-mệnh cha ta bây giờ ra làm sao thì bảo dùm cho ta biết, để cho ta được đành tấc dạ làm con.

Ca-líp-xô vừa ngạc-nhiên vừa động lòng vì thấy con người tuổi trẻ thế ấy, mà trong lời nói biết bao nhiêu trí-khôn, biết bao nhiêu tình-cảm, đôi mắt nhìn chàng không chán, trong hầu như thể ghen lời. Mãi đến sau nàng mới nói: Hỡi Tê-lê-mặc thái-tử, truyện cha chàng rồi ta sẽ thuật chàng nghe. Nhưng câu truyện dài quá, vả chàng lại mỗi mệt, cần phải nghỉ-ngơi. Mời chàng đến tại nhà ta, ta sẽ tiếp-dãi dường như con ta vậy. Lại đây! lại đây! trong cõi thanh vắng này, chàng sẽ là cái vui của ta. Ta sẽ hết lòng làm

cho chàng được sướng thỏa, quí hồ chàng biết hưởng cái sướng không phụ phúc trời cho.

Tê-lê-mặc đi theo nữ-thần, đằng sau lại có một bọn tiên-nữ theo hầu, nữ-thần cao hơn lũ tiên cả một đầu, khác nào như giữa đám rừng có cây cao đẹp nhất, giơ những cành rậm hoa xanh lá lên trên các ngọn cây khác. Thái-tử ngoạn cái cảnh đẹp rục-rỡ ấy, ngắm cái áo thắm dài lưng-thụng, nhìn cái đoạn tóc mây thắt lưng chùng mái đầu, thật ra biếng mà hóa xinh sao, hai mắt nhìn mẩn mà như đổ lửa, lại có nét mặt hiền-hòa chế cho con mắt long-lanh. Men-tô thì đôi mắt cúi gằm, li-li chẳng thấy dĩ-răng, đi theo đằng sau thái-tử.

Đi một lát tới cửa hang của nữ-thần. Tê-lê-mặc thấy trong cảnh thiên-nhiên rừng núi, mà lắm đồ ngoạn mục, thì sức giật mình. Vậy mà không thấy vàng, không thấy bạc, không thấy đá hoa, không thấy cột chạm, không thấy tranh treo tường, không thấy tượng trên bệ. Thiên-nhiên một động sâu, như đục trong núi đá, trên cao thì ốc thì trai, bốn bề cảnh nho leo chằng chịt, như thể nệm hoa màn gấm. Tuy ngoài nắng chói, mà trong mát rời-rợi nhờ có gió biển hiu-hiu. Trên đồng cỏ xanh, đó đây vài cụm mào-gà, hoa tím, tiếng suối róc-rách, chỗ này chỗ kia một đôi cái vũng nước ngâm,

trong vạt tựa thủy-tinh. Xung quanh hang đá khác nào như trái nệm lục thêu trăm hồng nghìn tia. Đống này thì đám rừng rậm, cây cối bùm-tum, cành chũu những trái đỏ như vàng, hoa trăm thức nở luôn bốn mùa, ngào-ngạt hương thơm phưng-phức. Rừng ấy khác nào như cái tàn che trên đồng cỏ xanh, cành lá rợp một góc trời, ánh nắng chẳng bao giờ tới, Đống kia quanh năm chỉ nghe thấy tiếng chim kêu riu-rít, tiếng thác âm-âm rội từ trên ngọn núi cao, xuống đất sủi lên đống bọt, rồi nước lênh-làng tràn qua bãi cỏ.

Hang nữ-thần ngay bên vệ núi. Đứng đó trông thấy biển rộng mênh mông, khi phẳng lặng trong suốt như thể mặt gương; lúc hịch như nổi giận đánh nhau cùng núi đá; mềm chọi cứng vỡ tan ra mà rên âm-âm, sóng cuồn-cuộn ngui-ngui nổi khác nào núi mọc. Bên kia thì thấy một con sông, giữa nổi nhiều bãi, xung quanh rào kín những cây bồ-đề có hoa nở, và những cây dương-liễu cao chót vót, ngọn như thể chọc trời. Những luồng cùng lạch sông ấy, khác gì như bò quanh co trong cánh đồng, ngòi thì nước trong chảy xiết, ngòi thì êm lặng như tờ. Có cái thì chạy quần chạy quanh rồi lại chảy trở lại, hình như tiếc chẳng nở dời chốn Thiên-thai bồng-đảo. Nom đàng xa

thì thấy những đèo cùng núi ngọn chắm với mây, hình dáng lạ lùng nhìn đã sững mắt. Mấy ngọn núi gần thì đặc những dây nho xanh tươi, sả xuống như thề người kết để trang điểm cho đẹp. Mà những quả nho thì thật to thật thắm, lá che không khắp, cây cành chũu xuống như thề lặc-lè. Suốt cánh đồng thì nào những cây vả, cây trám, cây lựu và bao nhiêu thứ cây chi-chít như thề cái vườn to.'

Khi Ca-líp-xô đã khoe các cảnh đẹp tự-nhiên ấy với Tê-lê-mặc rồi, bèn bảo rằng : Xin chàng đi nghỉ. Áo chàng ướt cả, xin chàng thay ngay đi. Rồi ta sẽ kể cho chàng nghe những truyện chàng phải động lòng. Nói đoạn nữ-thần đưa Tê-lê-mặc và Men-tô vào trong sâu thẳm một cái hang bên cạnh hang Ca-líp-xô ở. Các tiên-nữ đã đốt một đống củi gỗ bách, vừa ấm vừa thơm ngào ngạt, lại có quần áo mới để sẵn cho khách thay.

Tê-lê-mặc thấy họ để cho mình một cái áo dài bằng lông chiên trắng toát như tuyết như băng, lại có một chiếc áo phủ ngoài đỏ thắm mà thêu chỉ vàng, thì tự hồ như vui mắt ngắm nghĩa.

Men-tô bèn cất giọng nghiêm mà khuyên rằng : Hỡi Tê-lê-mặc thái-tử. Lòng con vua U-lich há lại nghĩ đến những điều ấy hay

sao? Lão-phu tướng Thái-tử nên lo bảo-thủ lấy cái danh-giá của Hoàng-phụ và kháng-cự với cái số phận rủi ro nó đeo đuổi mình. Một bậc trai trẻ mà lại thích ăn mặc trang sức như thể người đàn-bà, thì sao xứng đáng với cái chí-khí người trên, với cái danh thơm người anh-kiệt: Phàm người ta có biết chịu cực, có biết đem điều vui thú giẫm dưới gót chân, thì mới đáng được danh tiếng lừng-lẫy trong thiên-hạ.

Tê-lê-mặc thở dài mà đáp rằng: Thà rằng ta chịu thân-minh vật chết, còn hơn là để cho cái vui thú, cái lười biếng nó ám lòng ta. Không, già ạ! Không, già ạ! Con vua U-lich đâu lại có để cho sự lười biếng, sự vui thú nó thắng được lòng. Nhưng chúng ta vừa bị nạn đắm mất tàu, mà lại gặp được nữ-thần này, hoặc là người trên này, đãi ta rất hậu như thế, thì chẳng phải là ơn của trời ban cho đó hay sao?

Men-tô nói: Xin Thái-tử phải e rằng vì đó rồi ta bị cực khổ. Thái-tử nên sợ cái cười giả-dối ấy hơn là sợ những núi đá đã đánh vỡ tan tàu. Tàu đắm mà chết không tệ bằng sự vui thú nó phạm đến đức-hạnh ta. Thái-tử chớ tin những lời mụ nói. Tuổi trẻ hay tự-đắc, cậy ở mình quá. Tuy mình thơ yếu mà tưởng rằng việc gì cũng nổi, không phải sợ điều gì. Dễ tin người, không hay

phòng giữ. Xin Thái-tử chớ để tai vào những đàn ngọt hát hay của Ca-líp-xô. Những lời mềm-mỏng ấy khác nào như con rắn luồn dưới bụi hoa. Xin Thái-tử nên sợ cái nọc nó ngấm ngấm. Thái-tử nên tự nghi, chớ tin mình. Trăm việc phải hỏi ta nên chăng thế nào rồi hãy quyết.

Khi đã thay áo rồi, hai người cùng lại đến trước Ca-líp-xô. Nữ-thần đương chờ. Các tiên-nữ, tóc vấn bím, bận áo trắng dài, kỳ thủy dọn ra một bữa cơm rất là thanh cảnh mà ngon và sạch. Thực-phẩm duy chỉ có thịt chim đã đánh lưới được, và những giống vật đã săn bắn được. Rượu nho ngon quá rượu quỳnh đựng vào bình bạc lớn, rót ra những chén bằng vàng, xung quanh kết hoa. Phàm những giống quả gì mùa xuân hẹ, mùa thu cho nhân-gian, là có đủ trên tiệc ấy. Khi khởi tiệc thì bốn vị tiên-nữ thanh xuân ra đứng hát. Trước còn hát khúc Thần-tiên đấu chiến, rồi hát đến khúc Chúa-thần cùng với Xê-mê-lê tự tình; khúc Tửu-thần xuất thế; khúc Thiên-mã cạnh tầu. Sau rồi hát đến khúc Đặc-la-á chiến-trường, nhân lại ca-tụng đức-tính và can-dảm của vua U-lich. Một vị tiên đẹp nhất tên là Lơ-cô-tuệ đem đàn ra họa với tiếng hát. Khi Tê-lê-mặc nghe thấy tên Hoàng-phụ ở trong câu hát thì nước mắt chứa-chan làm cho hai má đỏ lại thêm

hồng. Ca-lip-xô thấy Tê-lê-mặc đau đớn biếng ăn, thì giơ tay ra hiệu cho các tiên. Lại hát khúc Thần-mã đấu chiến, khúc Thụy-ma xuống âm-phủ để cứu thần O-ri-di-xơ.

Khi tàn tiệc rồi, nữ-thần bảo thái-tử rằng : Hỡi con vua U-lich đại-vương. Coi đó mà xem ta hậu đãi người thế nào. Ta là một vị thần bất-tử. Phàm người trần chẳng có ai đến được nơi Bồng-đảo này mà chẳng chết. Vì bằng ta chẳng có lòng yêu người thì dẫu người bởi đắm tàu vào đây ta cũng chẳng xá. Cha người khi xưa cũng đã gặp được hạnh-phúc như người ngày nay. Chẳng may cho cha người được phúc trong tay mà không biết hưởng. Ta đã giữ ở lâu trong động này. Vì cha người biết điều thì cũng đã thành thần bất-tử mà cùng ta vui thú mãi ở chốn này. Nhưng mà cha người trong bụng còn giữ những tính hèn hạ tưởng nhớ đến cố-quốc tồi tàn, mà bỏ cả những hạnh phúc cõi tiên (5). Người coi đó mà coi, thì biết cha người vì nước Y-tắc đã thiệt-thòi mất những gì. Mà nước Y-tắc nào đã được về đến nơi. Cha người lại nỡ bỏ ta mà đi. Song đã có cơn giông bão báo cứu cho ta rồi. Tàu cha người đã trải bao nhiêu gian truân sóng gió, rồi bị chìm xuống dưới đáy biển rồi. Gương thắm đã bày ra đó, nhà người nên ngắm mà soi. Cha người nay đã

bị nạn mất rồi, người chớ mong còn gặp mặt nữa, mà cũng chớ mong lại được kế ngôi vua ở nước Y-tắc nữa. Thiệt ít mà lợi thì nhiều, vì ở đây người gặp được thần sẵn lòng cho người được sung-sướng, lại đem cả tiên-quốc này mà trao lại tay người.

Nữ-thần lại còn kể-lễ dài dang những cách vui thú của vua U-lich khi xưa. Khi thì đi vào hang đá của thần Bô-li-phê-ma (6); lúc lại qua nước Lê-xi-tri-gông của vua An-ti-phát (7). Khi thì vào nơi Bồng-đảo của nữ-thần Xích-xê, là con gái Thái-dương; lúc trải bao nguy-hiểm từ núi Xi-la sang núi Ca-ríp-đa (8) Sau nữa đến cơn phong-ba mới rồi, khi vua U-lich từ bỏ nữ-thần mà đi. Tuy vua U-lich đã trải bão đến được cù-lao Phê-a-xi-á, mà Ca-líp-xô nói cho Tê-lê-mặc tưởng cha đã chết rồi.

Tê-lê-mặc khi mới tới nơi thấy nữ-thần hậu đãi thì vội mừng quá, nay nghe câu chuyện mới vỡ ra cái điều-ngoan của Ca-líp-xô, và cái trí cao-minh của Men-tô đã lấy điều rất phải mà khuyên bảo. Bèn nói ít lời mà đáp rằng: Hỡi nữ-thần! Xin nữ-thần tha lỗi cho ta trong lúc lòng đau. Ta nghe xong truyện nữ-thần mới kể, thì lòng này sâu thắm biết bao. Có lẽ về sau ta cũng nguôi được mà hưởng lấy những điều vui thú mà nữ-thần hẹn ta. Nhưng lúc này thì xin nữ-

thần để cho ta được khóc cha ta. Cha ta đáng thương tiếc ngàn nào, hẳn nữ-thần đã rõ hơn ta.

Ca-líp-xô thấy vậy không dám ân cần quá, lại giả cách chia sầu, cũng trộn nước mắt mà khóc vua U-lich. Nhưng nữ-thần muốn dò ý xem dùng cách nào chóng xiêu lòng thái-tử, nên lại hỏi thái-tử đăm tàu ra thế nào, vì sao mà lại dạt vào nơi ấy. Thái-tử đáp: Truyện ta dài quá, xin nữ-thần hãy khoan cho. Ca-líp-xô nài rằng: Dài thì dài xin chàng kể cho thiếp biết. Kẻo thiếp vội hay những nỗi lưu-lạc của chàng. Nàng giục lắm, Tê-lê-mặc quá nể bèn kể truyện rằng:

Ta từ Y-tác mà đi, định qua hỏi thăm các vua cùng cha ta đi đánh Đắc-la-á về, cho biết tin-tức hoàng-phụ. Mẹ ta là Bê-nê-lốp (9) bấy giờ nhiều kẻ thăm dò, ngỡ cha ta đã mất rồi ai cũng muốn lấy. Thường chúng vẫn ghét ta, rắp mưu làm hại để triệt mối ngăn-trở. Cho nên ta phải lén mà đi. Chúng thấy ta đi đều lấy làm lạ. Ta sang nước By-lỗ-xi vào yết vua Nê-xi-tô (10); ta vào nước La-xê-đê-môn được vua Mê-nê-la-xi (11) tiếp đãi rất hậu. Nhưng hai ông cùng không biết cha ta sống chết thế nào. Chẳng lẽ phận làm con mà đành ở được trong cuộc hò-dò, vả ta lại nghe thấy nói rằng cha ta đã một phen bị đăm tàu dạt vào đất Xi-

xinh, ta bèn quyết đi sang xứ ấy. Nhưng Men-tô hiên-sư ta dầy ngăn trở không cho ta đi, nói rằng: « Xứ ấy có giống ác-thần cao lớn hay ăn thịt người. Vả hải-đạo của Ê-nê và của nước Đạc-la-á bấy giờ đóng ở xứ ấy. Quân Đạc-la-á vốn cùng người Hi-lạp vẫn là thù, lại hẳn riêng Hoàng-phụ, bằng gặp thái-tử thì chắc chúng làm hại. Hiên-sư bèn khuyên ta lại trở về Y-tắc, nói rằng: Có lẽ hoàng-phụ nhờ được thần-minh ủng-hộ cũng sắp về tới nước nhà. Vì chẳng thần-minh chẳng thương, quyết hại Hoàng-phụ đi nữa, thì phận-sự thái-tử cũng phải phục-cừu, mà giúp Mẫu-hậu cho ra khỏi vòng ực-bách, mà đem tài-năng đức-hạnh cho các dân-tộc được biết, cho cả nước Hi-lạp được thấy tân-quân cũng đáng vì thiên-tử như vua U-lich ngày xưa.

Lời ấy là lời rất phải, mà ta tự-phụ chẳng nghe, chỉ theo tính nóng nảy của mình. Vậy mà Men-tô cũng thương ta mà đi theo trong cuộc ngoại-du mạo-hiêm. May mà thần-minh lại xui cho ta mắc nạn để mở mắt ra mà chừa tính tự-đắc.

Trong khi Tê-lê-mặc nói, thì nữ-thần nhìn Men-tô chòng-chọc. Có ý ngạc-nhiên, hình như thấy thân-dạng, nhưng không được rõ ý-tình. Nữ-thần vừa sợ vừa ngờ. Lại e

trí rồi lộ ra ngoài mặt. Bèn bảo Tê-lê-mặc :
Xin chàng kể nốt cho thiếp được nghe,
cho lòng này được thỏa. Tê-lê-mặc lại nói :

Chúng tôi đi, trong mấy bữa đầu, sóng êm
gió thuận. Nhưng về sau có một cơn bão
nổi tối đen, da trời che kín, bốn phía mịt
mù. thỉnh thoảng có chớp sáng lóe thì
chúng tôi nom thấy nhiều tàu khác cũng
đương nguy-hiểm như mình. Nhìn lâu thì
biết là tàu chiến của Ê-nê. Chúng tôi sợ
những tàu ấy cũng bằng sợ núi đá. Bấy giờ
tôi mới hiểu, nhưng hiểu trễ quá, rằng trẻ
người, non dạ, hay nóng-nảy càn. Trong
cơn nguy-hiểm, thì Men-tô chẳng những
vẫn vững lòng, vẫn quả-quyết, mà lại còn
vui hơn những lúc bình-thường. Hiền-sư
giục lòng ta, làm cho thêm phần chấn, sức
khỏe hóa bội phần, tưởng bấy giờ không
ai địch nổi. Trong khi hoa-tiên rời trí, thì
Men-tô cứ khoan-hòa mà đốc-thúc những
quân lính trong thuyền. Tôi bảo Men-tô
rằng : Hỡi hiền-sư quý báu của ta ơi ! Sao
ta lại chẳng nghe lời hiền-sư để đến nỗi
này ? Ta cực ngày nay cũng vì ta tự-đắc
tin rằng ta đã là ta, đương lúc tuổi còn thơ
đại, chưa biết dự-linh cuộc tương-lai, chưa
có duyệt-lich điều dĩ-vãng, chưa biết dè-dặt
cơ hiện-tại. Trời ơi ! vì dù ta thoát được

khỏi nạn này, thì từ nay ta sẽ nghĩ ta như thể ta là kẻ thù độc nhất của ta vậy. Từ nay ta chỉ tin người mà thôi.

Men-tô mỉm cười mà đáp rằng: Lão-phu lọ phải nhắc lại cái lỗi đã rồi của Thái-tử nữa. Thái-tử tự đã biết lỗi mình là đủ. Ước gì lần sau Thái-tử cảm được cái tình nóng nảy lại. Nhưng lão-phu chỉ e rằng khi nạn đã qua rồi, thì cái tự-phụ đâu nó lại về mà thôi. Bây giờ nước đã đến chân, chi bằng lấy hết can-đảm ra mà giữ cho vững. Trước khi vào cuộc nguy-hiểm thì nên phòng nên sợ. Nhưng khi đã vào cuộc rồi, thì chỉ nên khinh nguy-hiểm đi mà thôi. Vậy thời xin Thái-tử ở cho đáng mặt con vua U-lich. Thái-tử nên tỏ ra một tấm tâm can to hơn cả những cái tai nạn nó nạt mình.

Tôi thấy cái khoan-từ, cái can-đảm của Men-tô mà thích, nhưng thấy cái khôn-ngoan của Men-tô đã gỡ ra cho khỏi tay quân Đặc-la-á, thì lại phục nữa. Khi trời đã sắp quang-đãng, Men-tô thấy thuyền mình đi gần thuyền giặc, chẳng bao lâu nữa thì chúng nom thấy. Nhân khi đó lại thấy một chiếc thuyền giặc tựa như thuyền mình, gió đưa ra ngoài xa đàn. Mũi thuyền ấy có kết hoa một cách riêng. Men-tô kịp truyền lệnh cho quân cũng lấy hoa kết vào mũi y như thuyền giặc. Rồi lại bảo những tay chèo

phải cúi rạp xuống. Chúng tôi cứ như vậy mà đi vào giữa lũ thuyền giặc, mà giặc không biết, lại ngỡ là thuyền bạn bị bạt phong mới trở về, liền reo mừng râm-rĩ. Sóng khi ấy còn dữ lắm, chúng tôi phải đi sát vào với họ trong giờ lâu. Về sau chúng tôi mới lùi dần cho thuyền đi chậm lại, rồi nhân có cơn gió to đẩy thuyền họ về phía Phi-châu, chúng tôi bèn ra tay chèo mà chạy vào đất Xi-xinh.

Chúng tôi vào được bộ, nhưng ngờ đâu tránh ngọn Ca-rip lại ngã ngọn Xi-la. Vào đến đất lại gặp quân Đắc-la-á. Vốn là lão-vương A-xê-xĩ-ta (12) ở Đắc-la-á sang làm vua ở đó. Thuyền chúng tôi vừa ghé vào bờ, thì họ tưởng hoặc là người các cù-lao khác thỉnh linh đến đánh họ, hoặc là quân nước nào đến tiếm đất họ. Họ bèn sai quân ra đốt thuyền chúng tôi đi. Trong cơn tức giận, họ giết hết những quân đi với chúng tôi, duy chỉ chừa có Men-tô và tôi, họ bắt giải vào trước vua A-xê-xĩ-ta để vua hỏi xem ở đâu mà tới, tới định làm chi. Hai chúng tôi tay bị trói ra sau lưng mà đi vào thành. Khi họ biết chúng tôi là người Hi-lạp rồi, họ tính giết ngay, nhưng bởi họ còn muốn bày ra hình dữ dội để cho dân độc ác ấy coi, cho nên họ mới duy-chi,

Trước hết họ giải vào trước vua A-xê-xi-ta. Vua tay cầm như-y bằng vàng, dương xử kiện, lại sắp làm lễ. Ngài gât mà phán hỏi chúng tôi người ở nước nào, bởi cứ gì đi đến đó. Men-tô vội vàng đáp rằng: Chúng tôi từ bờ biển xứ Hê-xi-bê-ri (*Hespérie*) mà lại, quê chúng tôi cũng ở gần đó. Men-tô nói như vậy để tránh khỏi phải xưng là người Hi-lạp. Vua A-xê-xi-ta chỉ nghe đến đấy mà thôi. Đồ cho chúng tôi là người ngoại-quốc có tình gian nên giấu-giếm, bèn hạ lệnh đem dây chúng tôi vào rừng gần đó, để phát làm nô-lệ hầu-hạ những kẻ chau súc vật trong rừng.

Tôi lấy tội ấy làm cực hơn chết. Tôi bèn kêu lên rằng: Tâu đại-vương, xin đại-vương giết chúng tôi đi còn hơn làm nhục chúng tôi như thế. Tôi đây là Tê-lê-mặc, con trai vua U-lich nước Y-tắc. Tôi đi vượt hết biển nọ đến biển kia tìm cha mà chẳng thấy. Nếu chẳng thấy cha, lại không về được xứ-sở, mà còn phải phát làm nô-lệ, thì sao còn chịu nhục được mà ở trên đời. Vậy xin ngài làm ơn mà giết đi cho.

Tôi vừa nói đoạn thì cả dân ấy kêu lên rằng phải đem giết con vua U-lich đi, để báo cừu cho thành Đạc-la-á. Vua A-xê-si-ta

(*Acesle*) bèn bảo tôi rằng: « Hỡi con U-lich vương! Ta phải đem máu người mà ta linh-hồn bao nhiêu người Đắc-la-á mà cha người đã ném xuống nước đen sông Cô-xít (*Cocyle*) ngày xưa. Vậy thì người cùng người đi với người sẽ phải chết cả. Giữa lúc ấy thì có một lão già lên tàu xin đem chúng tôi đến mộ An-sy-dơ (*Anchise*) (13) mà giết để tế. Nói rằng: Vong-linh đáng anh-hùng tử vì nghĩa ấy, được thấy máu này họa chẳng mới thỏa. Mà Ê-nê (14) khi biết bệ-hạ làm lễ ấy, cũng động lòng.

Cả dân cùng phục lời bàn ấy. Chỉ còn việc giết chúng tôi nữa thôi. Họ đã giải chúng tôi đến mộ An-sy-dơ rồi: đã dựng hai hương án, đã thắp đèn thờ; thanh kiếm đã tuốt trần ra trước mắt chúng tôi. Họ lại đem hoa mà quán quanh đầu chúng tôi. Tưởng lúc ấy thì không còn ai cứu lại được nữa. Thôi, đành là thôi rồi. Mên-tô khoan-thai mà xin lên tàu với vua họ một đôi lời. Tàu rang:

Hỡi A-xê-xi-ta đại-vương. Dầu thái-tử Tê-lê-mặc đây chẳng cầm khi-giới đi đánh dân Đắc-la-á bao giờ, mà đại-vương cũng đang tâm đem giết, nhưng trớ ngiều gì lợi đại-vương thì đại-vương há lại bó ngoài tai? Ta đây toán số cũng thông, ý thần-minh ta lại rõ, thì ta có tính ra rằng trong ba ngày

trở lại, quân mọi rợ sẽ đến đánh nước này. Quân ấy từ trên núi sẽ tràn xuống như thác chảy, như mưa tuôn, khắp trong thành-thị, phá-hoại các chốn dân-thôn. Vậy mau mau đại-vương nên sai sứ rao cho trăm họ biết, để ai nấy phòng giữ, nên dự quân lương khí-giới, các súc vật đương thả khắp ngoài đồng, thì nên lập tức gọi về đem cả vào trong thành. Chớ để chậm trễ phút nào. Lời tiên-tri đó ví bằng không thực, thì hết hạn ba ngày đại-vương giết chúng tôi cũng không là chậm. Mà thật ra, thì đại-vương há lại làm hại kẻ cứu mình hay sao?

Vua A-xê-xĩ-ta nghe thấy Men-tô nói quả quyết như thế, thì ngạc nhiên mà phán rằng: Hỡi người viễn-khách! ta coi đó thì biết rằng dầu thần-minh chẳng cho người được vẻ-vang sung-sướng, nhưng lại cho người được cái trí biết xa thì lại quý hơn các vinh hoa tài lộc bao nhiêu. Vua bèn truyền hãy khoan việc tế, lại vôi vàng truyền cho ai nấy phòng giữ. Thôi thì chỗ này đàn bà run sợ, chỗ kia người già ÿ-ạch vác nặng, con trẻ khóc mắt đỏ hoe, mà lũ lượt kéo nhau vào trong thành. Bò và cừu be-be mà từ chốn cỏ xanh tươi, vào trong các phố, không lấy đâu làm chuồng mà chữa cho đỡ. Nơi nào nơi ấy dộn dịp những kẻ xô nhau.

kẻ tiếng to, người tiếng nhỏ, chồng lạc vợ, mẹ mất con, kẻ lạ kêu nhau ngỡ là bạn, ai nấy chạy xuôi chạy ngược vội vàng mà chẳng biết đi đâu. Mấy người hào-mục trong thành, tưởng ta là khôn hơn kẻ khác đã bảo Men-tô nói hão, bầy đặt ra câu chuyện làm kế thoát thân.

Đến hôm thứ ba, trong khi các cụ đương bàn ra bàn vào như thế, thì thấy ở đằng phía núi, có đám bụi mù; một lát thì nom thấy đông đặc những quân mọi rợ có đủ khi-giới, ở trong rừng kéo-ra. Thì là những quân Hi-me (*Himère*) (15), là một rợ rất hung ác, lại có cả những người ở núi Nê-bê-rô-đa (*Nébrodes*) và những dân ở núi A-cơ-ra-ta-xĩ (*Acratas*) là một xứ quanh năm rét lạnh, gió đồng bằng đâu có thổi lên cũng chẳng thấy êm trời bao giờ. Mấy người chẳng tin lời Men-tô bảo trước, đều bị mất cả nô-lệ và chiền cừu. Bấy giờ vua mới phán bảo Men-tô rằng: Từ đây trăm quên hai người là người Hi-lạp; thế là thù mà hóa bạn. Quả thần-minh đã sai hai người đến đây để cứu chúng ta. Lời người nói đã quả-nhiên. Nay nạn đến nơi. Trăm lại cậy người đem tài năng can-đảm ra mà giúp Trăm nữa.

Men-tô hai mắt quắc lên, gĩa tay can-đảm làm cho những tướng hùng nhất trong đàng

họ cũng phải sợ. Men-tô cầm một lá mộc, đội một cái mũ, đeo một thanh gươm, vác một ngọn giáo, hô quân sắp hàng, rồi mình tiến trước, xông lên đón giặc. Vua A-xê-xi-ta tuy là người can-dảm, mà bởi tuổi già, cũng phải theo tận đằng sau. Tôi theo cũng gần, nhưng phần hùng-dũng phải đành chịu kém. Trong khi giáp chiến, coi cái giáp của Men-tô, khác nào như thể dương-khiên (16) của chúa thần Giu-bi-tê (*Jupiter*) ngày xưa. Hiền-sư ta bước đến đâu, giặc ngã máu chảy đến đó. Coi đã hình như con sư-tử xứ Nu-mi-đi (*Numidie*) phải khi đói cào gan ruột, xông vào một lũ chiên hèn, như giết, như xé, như tắm ở trong vũng máu, mà lũ đi chặn đã chẳng dám bênh vực lấy đàn, lại còn học tốc chạy cho nhanh, mình run như cây-sậy, để cho thoát khỏi mũi gươm thần.

Quân mọi rợ, bụng những tưởng chộp được một lũ vô-phòng, chẳng ngờ lại giết mình như thể vô-phòng mà bị chúng đánh. Thằng nào thằng ấy ngờ ngác. Quân lính của vua A-xê-xi-ta, phần thấy gương hùng-dũng mà theo, phần nghe thấy lệnh truyền của Men-tô mà xông vào trận, hăm-hăm hồ-hồ, xưa nay mình chưa biết mình bao giờ đã can-dảm được đến vậy. Tôi thì cầm giáo mà đâm được ngã thái-tử của phiên. Thái-tử đồng-niên với tôi mà người cả lớn,

vì rợ ấy cũng là một dòng-dõi Khổng-lồ. Y thấy tôi bé nhỏ thì có ý khinh nhờn. Nhưng dẫu thấy y khỏe lạ dường mà tôi không sợ, dẫu thấy hình-dong y dữ-lợn gớm-ghê mà tôi chẳng chột, tôi đưa cho y một mũi giáo vào ngực, làm cho y thò ra một đồng máu đen mà chết. Khi y ngã, suýt nữa dè phải tôi thì có dẽ chết bẹp. Gươm mộc giáp khiên của y rơi xuống xoang-xoảng, tiếng kêu vang lên tận núi. Tôi bèn lột lấy khi-giới của y mà đem về dâng vua A-xê-xĩ-ta. Men-tô thì đánh quân giặc chạy tán loạn đuổi kỳ cho đến trong rừng.

Vua và dân Đạc-la-á không ngờ mà bị giặc đến đánh, lại không mong mà phá được tan, thì coi Men-tô như một bậc người thần yêu-quí ủng-hộ, tấm lòng cảm động tạ ơn, lại lo cho chúng tôi rằng Thủy-đạo Ê-nê lại quay về xứ Xi-xinh. Vua bèn truyền giao cho chúng tôi một chiếc thuyền mạnh để về ngay xứ-sở. Trước khi đi lại ban cho chẳng thiếu thức gì, rồi ân-cần khuyên-nhủ đi cho mau kéo mà mắc nạn. Nhưng lại ngại khi đến đất Hi-lạp, không dám cho hoa-tiêu và quân chèo thuyền của mình đi hộ-tống. Bèn sai mấy người lái luôn xứ Phê-ni-xi đi cùng chúng tôi, nghĩ rằng những người xứ ấy, vốn xưa nay buôn bán khắp nơi, thì đi đến đâu mà chẳng lọt. Nhưng

người lái buôn ấy vâng lệnh xin đưa chúng tôi về đến xứ nhà rồi lại đem tàu sang nộp lại. Không ngờ mưu sự ở người mà thành sự ở lòng trời. Số kiếp chúng tôi còn phải làm đôi long-dong.

HỘI THỨ II

Tê-lê-mặc kể hết chuyện. Tàu bị hải-đạo của vua Xê-dốc-trích (Sésostris) bắt đem về Ai-cập. Nước Ai-cập giàu mạnh thế nào. Chính-thể nước ấy hay những điều gì. Men-tô và Tê-lê-mặc bị giải đến trước vua. Vua sai một viên tướng lên là Mê-lô-phi-xi (Méthophis) xét việc Men-tô bị đem bán cho người xứ Ê-liên-bi (Ethiopie) họ đem về nước ấy. Tê-lê-mặc thì phải đi chăn dê ở trong bãi sa-mạc Oa-si xi (Oasis). Gặp Tê-mô-di-ri-xơ (Ter-mosiris) là đạo-sĩ thờ thần A-bô-lô (Apollon), khuyên Tê-lê-mặc nên bắt chước thần ấy. Nguyên thần A-bô-lô ngày xưa phải dắt đi chăn dê cho vua An-mê-lê (Almète) nước Tê-xa-li (Thessalie), thần nhân nạn mà sửa đổi phong-tục cho những dân du-mục. Vua Xê-dốc-trích nghe tin những việc lạ của Tê-lê-mặc làm ra ở bãi sa-mạc, thì cho đòi về kinh, xét thấy tình oan, bèn lệnh tha cho về cố-

quốc. Chẳng may vua Xê-dốc-trích băng. Tê-lê-mặc lại thêm cực khổ, phải giam vào một cái đôn bên bờ biển. Tê-lê-mặc ở trong ngục nhìn ra thấy vua mới nước Ai cập là Bốc-cô-ri-xĩ (Bocchoris) chết trận.

Người thành Suy-la (Tyr) vốn có tính kiêu hãnh làm cho Xê-dốc-trích đại-đế nước Ai-cập, đem bụng thù ghét. Người xứ ấy khôn ngoan buôn bán, làm cho nước giàu, lại có đồ-thành là Suy-la rất vững không ai lấy được, cho nên lại càng kiêu-ngạnh, không chịu nộp cống cho vua Ai-cập, rồi lại giúp quân cho em vua Ai-cập để mưu giết anh đương lúc yến-tiệc, ngày vua thắng trận khải-hoàn. Bởi vậy, vua Ai-cập định ngăn trở sự buôn bán của người xứ Phê-ni-xi ở các biển, bèn sai tàu chiến đi khắp các nơi đón đường các tàu buôn của người xứ ấy.

Khi thuyền chúng tôi vừa ra khỏi hải-phận nước Xi-xinh, ngọn núi cao vừa xa khuất mắt, thì gặp một thủy đội của Ai-cập. Cửa biển với núi non hình như chạy dật lùi đằng sau phía lái, mà lộn với từng mây chân trời. Giữa lúc ấy thì chúng tôi thấy tàu Ai-cập tới gần, chi chít khác nào như thể một thành-phố lênh-đênh trên mặt biển. Những người lái buôn trên tàu nhận ra thì muốn chạy trốn, nhưng chạm quá rồi. Vả buồm họ lại ăn gió hơn buồm mình, tay

chèo họ lại đông hơn thuyền mình. Chỉ trong giây phút thì họ đến nơi, bắt lấy thuyền chúng tôi đem về Ai-cập.

Tôi đã hết sức cãi rằng chúng tôi không phải là người nước Phê-ni-xi, mà họ chẳng thèm nghe. Họ cho hai chúng tôi là nô-lê của bọn lái buôn đem đi bán xứ khác, họ yên trí rằng mới chộp được một món lợi to. Bảy giờ thì nom nước biển đã thấy vắn trắng, vì ngọn nước Ni-lộc-hà chảy ra. Nhìn lên bộ thì thấy mặt đất thấp ngang ngang mặt biển. Được một lát thì tới cù-lao Pha-rô (*l'île de Pharos*) ở ngay bên cạnh thành No, rồi thuyền vào trong sông, chở lên cho đến kinh-thành Manh-phi (*Memphis*).

Ví thử chúng tôi lòng không đau-dớn vì bị bắt, làm cho thấy cuộc vui thú cũng dừng-dừng, thì mắt chúng tôi coi thấy cái đất tốt màu ấy, tựa như một cái vườn lớn, đầy những sông những lạch dọc ngang, thì hẳn cũng thích mắt. Bất cứ nơi nào, đưa mắt xuống bè là thấy phố đông dân ở, nhà cửa lịch-sự, ruộng đất luôn luôn có cây có lúa quanh năm, chẳng nghỉ lúc nào. Các bãi cỏ xanh, thì dê cừu súc-vật lữ lượt đi ăn, đây đám nông-phu chiu vai dưới bó lúa nặng hột to vừa gặt đem về; đó lũ mục-đồng tiếng quản tiếng tiêu diu dật, một tiếng đi lại mấy tiếng về (vì có tiếng vang).

Men-tô ngụ ý khen rằng: Sương thay là một dân gặp minh-quân cai-trị, quanh năm phong túc, vẻ vang mà ca-tụng đức Trên. Vì bằng thần-minh có ủng-hộ cho thái-tử mai sau được nối ngôi Hoàng-phụ, thì nên noi gương đó mà chăn lù dân nhà. Nên yêu mến dân như thề cha yêu con. Nên lấy bụng mến của dân làm cái thú. Nên cư-xử để khi trăm họ được hưởng cuộc thái-bình vui vẻ, thì lại nhớ đến rằng nhờ có minh-quân. Còn như những bậc ám-chúa chỉ biết làm cho dân sợ, lấy gươm đao mà khiến họ phục tùng, thì toàn là những tai ách của nhân-gian. Muốn khiến cho chúng khiếp thì chúng cũng khiếp, nhưng chúng ghét, chúng chỉ sẵn mưu thù. Thành ra dưới sợ trên có ít, mà trên phải sợ dưới lại thêm nhiều.

Tôi bèn đáp rằng: Than ôi! Ta còn chi nữa mà mong, ta tưởng lúc này chẳng phải là lúc nghĩ đến cuộc trị dân theo phép tốt. Y-lặc cố-quốc từ nay là hết cho ta rồi. Rày ta còn bao giờ được nhìn thấy quê-hương và Hoàng-mẫu nữa. Ví dù vương-phụ có vẻ vang mà về được cố-quốc, cũng không còn nhìn thấy mặt ta, ta cũng chẳng còn bao giờ được nghe lời nghiêm-huấn nữa, mà còn mong được thi-hành lời thánh-dụ mai sau.

Hỡi hỡi Men-tô ! Thôi thì thôi ta cũng đành lòng, mạng này thôi có còn mong nổi gì. Thần-minh đã phụ lòng ta như vậy, thì chết đi ta cũng chết, đành vậy chứ biết sao ?

Tôi nói thế, thì thở vẫn than dài. Còn Men-tô thì chí xưa nay đã luyện, chỉ biết lo trước khi nguy-hiểm đến nơi, lâm khi nguy-hiểm đã tới rồi, không còn biết sợ là gì nữa, Men-tô bèn mắng ta rằng : Hỡi hỡi thái-tử, chẳng xứng làm con U-lich hiền-vương kia ! Chết nổi, khi nạn đã tới chân, thái-tử lại đành chịu thua hoạn-nạn hay sao ? Thái-tử phải biết rằng có ngày ta lại được về cố-quốc ; có ngày ta lại được thấy dung-nhan mâu-hậu ; có ngày thái-tử lại được thấy mặt đấng anh-hùng vô-địch, mà thái-tử chưa được biết, là người chẳng để cho tai nạn nào vật ngã được lòng ; là người trong cơn nguy-hiểm gặp mấy mươi hoạn-nạn của thái-tử, cũng còn ra gương can-đảm được cho thái-tử noi, để mà chừa hẳn cái thói ngã lòng. Ô hô ! vì chẳng thiên-tử ở chốn xa-xôi bị gió đưa sóng đẩy, mà biết tin thái-tử chẳng bắt chước được can-đảm, được kiên-nhẫn, thì ngài hồ thẹn là đường nào ! Cái nạn ấy mới là nạn to nhất cho thiên-tử đó. Dầu từ xưa đến giờ trải bao nhiêu nổi gian nan, cũng không có nổi nào đau đớn cho ngài tây cái tin ấy.

Nói đoạn, Men-tô lại trở cho tôi coi những cảnh vui vẻ, những cơ phong thịnh ở các chốn thôn-giã nước Ai-cập. Trong một nước có tới hai vạn hai nghìn thành-phố. Đâu đâu việc tuần-phòng cũng rất cẩn; hình-pháp rất nghiêm, bênh-vực kẻ nghèo, ngăn cấm kẻ giàu không để cho ý của ăn biếp người ta. Việc dạy dỗ trẻ con thì rất khuôn phép, trẻ biết vâng lời, ưa cần mẫn, ăn chơi có tiết độ, lại biết ham mỹ-nghệ văn-chương. Việc tôn-giáo lại biết giữ lễ; hay vị chúng mà ít vị kỷ; ai nấy ham cái vinh-dự trong xã-hội, mà cố sức nên người hữu dụng, có công với nhân-quần; biết sợ thân-minh. Cha mẹ dạy con chuyên ở bấy nhiêu điều. Men-tô lấy làm phục lắm, tấm tắc khen đi khen lại chẳng chán miệng. Cứ nói hoài rằng: Sướng thay một dân được minh-quân cai-trị. Mà lại sướng thay nữa là một đấng minh-quân làm cho muôn dân được vẻ vang sung sướng, mình thì lấy điều đức-hạnh làm sung sướng vẻ vang. Làm vua như thế thì cầm buộc được thiên-hạ trong một cái dây kiên-cố gấp mấy lần cái dây sợ hãi, dây ấy là dây quyến luyến yêu đương. Chẳng những dân vâng phục, lại còn vui lòng mà vâng phục. Vua ấy chẳng những làm vua trong nước, mà lại làm vua trong cả lòng người. Chẳng những không ai muốn phản,

... và ai nấy lại còn sợ mất minh-quân, dẫu muốn chết cũng chẳng từ để mà giúp chúa.

Tôi nghe lời khuyên nhủ, như thể gọi tám trung-can. Lời ngọc tiếng vàng luôn ra đến đâu thì cái can-dảm vùi lấp trong lòng tôi hình như hưng-khởi dậy. Chúng tôi vừa tới Manh-phai, là một thành giàu-có, lịch-sử rất mực, thì quan đô-đốc truyền giải chúng tôi đến tận thành Tê-ba (*Thebes*) để tâu trình vua Xê-đốc-trích. Nguyên trăm việc ngài muốn ngự-giá thân thăm, và ngài lại ghét riêng người thành Suy-la. Vậy thời chúng tôi lại còn phải đi ngược sông Ni-độc cho đến thành Tê-ba trăm cửa, là nơi vua Ai-cập ngự. Thành ấy chúng tôi coi ra rộng lắm, ở khắp nước Hi-lạp không có thành nào đông dân ở cho bằng. Đường-xá rất là sạch sẽ, sông ngòi chảy thật lưu-thông, các nhà tắm khách ra vào rất tiện, mỹ-nghệ phát đạt nhiều, mà việc tuần-phòng rất cẩn. Các ngã ba thì nào ống phun nước, nào cột đá cao, dựng làm kỷ-niệm. Đây tượng đồng cao lớn, đó đồ vàng bạc bày đường.

Những quân bắt giải chúng tôi, vào quí tâu trước vua rằng đã thấy chúng tôi ở trong thuyền buôn của người xứ Phê-ni-xi. Mỗi ngày vua có một buổi ra ngự nghe những sớ tâu, hoặc để bài-bác công việc nhà-nước,

hoặc để hiển những kẻ hay. Ngài chẳng khinh ai mà cũng chẳng bưng miệng ai. Ngài nghĩ rằng ngồi trên ngai Hoàng-đế chẳng qua chỉ để lo cho trăm họ được về vang. Ngài thương dân như thể thương con. Người ngoại-quốc đến thì ngài tiếp-dãi tử-tế, lại có ý vờ vào phán hỏi, vì ngài nghĩ nghe truyện nước người bao giờ cũng có lời ích lợi, mà noi học được những phong-tục hay của các nước xa. Bởi vậy mà họ bắt được chúng tôi phải đem vào tâu trình. Ngài ngồi trên một cái bệ ngà, tay cầm như-y vàng. Tuổi ngài đã cao, mà mặt còn tươi tốt, có uy-nghi mà có điệu hiền-từ. Mỗi ngày ngài chẳng quản khó khăn ngự ra hỏi kiện, nghĩ xử việc gì rất công rất chính, ai cũng phải phục. Khi ban ngày ngài đã lo xong việc dân nước, tối đến lại vờ các quan bác-sĩ vào hỏi thiên-văn, địa lý, nhân sự, hoặc ngài đàm luận với những bậc hiền-tài, để làm cách tiêu-khiển. Trong cả một đời ngài, chẳng hề bao giờ có lấy cách xa-xỉ phiêu-hoa mà thu bụng các vua chư hầu, mà cũng chẳng bao giờ có quá nghe đình-thần.

Ngài thoạt nhìn thấy tôi, tuổi vừa trẻ, mặt lại hiền lành, thì ngài có bụng thương; ngài phán hỏi tên tôi và xứ sở tôi. Chúng tôi nghe thấy những lời cao-minh thì lấy làm lạ. Tôi liền đáp rằng: Muôn tâu đại-đế, hần đại-đế

cũng biết việc đánh Đạc-la-á, vừa mười năm
chẵn mới xong. Dân Hi Lạp kể đã mất bao
nhiều mạng người, bao nhiêu công của mới
phá nổi thành ấy. Hoàng-phụ tôi, U-lich
vương, là một vị trong mấy vị đại-vương đã
làm nên thủ-đoạn ấy. Hiện Hoàng-phụ đương
phiêu lưu trong bốn bể mà chưa tìm thấy
nước nhà, là nước Y-tắc. Tôi đi tìm Hoàng-
phụ. Chẳng ngờ cũng phải một bước gian-
nan, bị quân đại-đế bắt được. Dám xin
đại-đế tha cho tôi về với cha tôi và xứ-sở tôi.
Như vậy thì để tôi được khẩn thần-minh
phù-hộ cho đại-đế sống lâu ở với tôi con, để
chúng được hưởng cái hạnh-phúc ở dưới
quyền người cha rất hiền-từ.

Vua vẫn nhìn tôi như có lòng thương.
Chẳng may, ngài lại còn muốn xét kỹ quá
xem việc tôi hư thật thế nào. Ngài bèn sai
một viên tướng hầu phải hỏi những quân
đã bắt được thuyền tôi, xem chúng tôi là
người Hi-lạp, hay là người xứ Phê-ni-xi.
Ngài phán : Nếu chúng nó là người Phê-ni-
xi, thì tội nên nặng gấp, trước nữa bởi dân
ấy với ta là thù, sau nữa bởi lại còn nói
dối để lừa ta. Vì bằng là người Hi-lạp, thì
Trẫm muốn rằng các quan phải hậu đãi họ
và phải cho họ một chiếc thuyền để về Hi-lạp.
Vì ta yêu nước Hi-lạp. Nhiều người nước

Ai-cập đã sang làm vua đặt luật phép cho nước ấy. Vả ta biết đức-tính của người Hách-curu-la (*Hercule*); danh tiếng người A-sinh (*Achille*) đã đến tai ta; cái trí cao-minh của vua U-lich rất nên thương tiếc, ta cũng lấy làm cảm phục. Ta xưa nay tính vốn cứu người có đức-hạnh mà phải bước gian-nan.

Than ôi! Vua Xê-dốc-trích tính ngay thẳng, lòng quảng-đại ngần nào, thì viên tướng xét việc tôi, bụng độc-ác, tính gian-giảo ngần ấy. Viên ấy tên là Mê-tô-phi-xi (*Méthophis*). Y hỏi chúng tôi thì có ý khiến cho chúng tôi nói lỗi lời. Y thấy Men-tô-ân nói khôn-ngoan ý-tử hơn tôi, thì y có ý ghét ngờ. Nghề thế, những đũa ác vẫn không ưa người hiền. Y bèn giam riêng tôi với Men-tô mỗi người một nơi. Từ khi ấy thì tôi không biết tính-mệnh Men-tô ra làm sao. Sự biệt-ly ấy khác nào như sét đánh grom dâm. Mê-tô-phi-xi chỉ những mong rằng hỏi riêng tất có câu tương-phản. Y lại đổ dành tôi mà hện hết điều nọ đến điều kia, để họa chẳng có phun ra những điều Men-tô còn giấu. Nói tổng thì y không thật lòng mà tra hỏi cho biết lấy thực tình. Coi chừng y có ý tìm kiếm lấy cơ để tâu cho chúng tôi là người xứ Phê-ni-xi, mà xin giữ làm nô-lệ. Về sau quả như vậy, dẫu tình

chúng tôi oan, dẫu vua rất cao-minh, mà viên tướng ấy cũng dối được vua.

Than ôi ! thế mới biết làm ông vua, là khó tránh được kẻ gian-tà ! Đến như những bậc rất cao-minh cũng còn mắc lặn. Thi ra xung quanh mình một ông vua chỉ những kẻ gian người nịnh. Người hiền thì lánh đi xa, vì không biết vôi-vàng, không biết ton-hót. Người hiền thường hay ẩn một nơi chờ cho kẻ đến tìm. Mà các bậc vua chúa thì hồ đễ đã ai biết đi cầu hiền. Còn như những kẻ độc-ác gian-dối, thì thường hay xúm xít bên mình vua chúa, khéo bạo dạn, khéo ngon ngọt, khéo điêu-ngoan ; khéo luồn lọt đầu cũng tới, khéo tâng nịnh ai cũng ưa ; có tài giấu giếm, lúc nào cũng sẵn lòng làm việc thất-đức, làm việc vô-sĩ, để nuôi mấy cái tật người trên. Than ôi ! làm vua ở giữa bọn nịnh thần, mà không biết nghe lời cương-trực, thì đáng phàn-nàn biết là ngần nào !

Trong cơn hoạn nạn thì tôi nghĩ như thế, tôi lại sức nhớ đến những lời Men-tô thường nói. Mê-tô-phi-xi bèn dắt tôi lên các núi ở bãi sa-mặc Oa-di-xi, để cùng với bọn nô-lệ, chẵn những đàn dê cừu của y, có nhiều lắm.

Khi thái-tử kể đến đó, thì nữ-thần Ca-líp-xô hỏi rằng : Ở Xi-xinh thì chàng đã biết ra cái chết hơn phận nô-lệ. Thế ở Ai-cập thì

chàng tỉnh làm sao? Tê-lê-mặc đáp: Nạn ta mỗi ngày một thêm lớn. Đến nước đó thì ta mất cả đến cái thể chơn trong sự chết và phận nô-lệ nữa. Đành phải làm nô, phải nuốt cho hết những nỗi đắng cay. Trong lòng ta bấy giờ không còn lấy chút hi-vọng nào, mà cũng không còn kể gì để gỡ cho ra khỏi chốn lao-lung. Về sau Men-tô thuật chuyện lại cho ta rằng, y bị đem bán cho người xứ E-tiêu-bi (*Ethiopie*) đem đi xứ ấy.

Ta thì đến nơi đầy đọa. Mênh mông một bãi cát nóng như than. Trên ngọn núi thì trắng phau-phau một tầng tuyết phủ, chẳng bao tan, làm ra một mùa đông vô tận. Duy ở lưng chừng sườn núi dốc, có mấy đám cỏ lẫn với đá, là đem súc vật cho ăn được mà thôi. Những miền thung lũng thì sâu quá, mặt trời nắng ít chỗ tới nơi.

Trong xứ ấy tôi chỉ gặp những quân du-mục mọi rợ, thật người hợp với cảnh lắm. Đến đó, thì đêm tôi than-thở số phận hẩm hiu; ngày tôi đi theo một đàn súc-vật; chỉ những lo che-chở cho cái thân đầy-đọa, cho khỏi phải tên nô-thủ đánh đòn. Nguyên tên nô-thủ ấy, hằng vấp ton-hót mách chủ, để tỏ lòng trung-nghĩa, mong rằng chủ thấy ngoan mà phóng-thích cho. Thằng ấy tên là Bru-tích (*Buthis*). Vì nó một hôm xuýt nữa tôi bị hại. Bữa ấy tôi cực chẳng đã, bẻ

quên mất đàn dê mình coi, nằm xuống bãi cỏ gần một cái hang, mà đợi chết, không thể sao chịu được cực khổ nữa.

Giữa lúc ấy thì tôi thấy núi chuyển đất rung. Cây cối đã hình như từ trên ngọn núi đi xuống. Gió nin hơi, rừng lặng tiếng. Rồi nghe thấy một tiếng gầm. Tiếng nói rằng: Hỡi con U-lich hiền-vương! Xưa hoàng-phụ kiên-nhẫn mà nên bậc vua lớn. Nay thái-tử phải noi lấy dấu phụ-hoàng. Phàm những bậc quân-vương mà suốt đời sung sướng thì không đáng vì thiên-tử. Ở nơi tế-nhuyên hóa hư thân, luôn ở trên người sinh đại nét. Nếu thái-tử vượt được qua khỏi bước gian nan, mà lại chẳng quên nỗi cực khổ, thì rồi về sau về vang sung sướng bao nhiêu! Tất có ngày thái-tử sẽ được về cố-quốc. Bảy giờ thì danh tiếng lừng lẫy đến tận trời. Khi nào thái-tử nên được bậc chủ muôn dân, thì thái-tử phải nhớ rằng đã có phen hèn yếu, nghèo khổ cũng như người thường. Nên vui lòng mà giúp đỡ họ. Nên thương dân. Nên ghét kẻ nịnh. Nên biết rằng hễ tính thuần bao nhiêu, biết cầm tinh-dục bao nhiêu, thì lại danh-giá bấy nhiêu.

Những lời thần-ngữ ấy, cảm động vào đến gan ruột tôi, làm cho tôi lại được vui lòng phấn chấn. Tôi không thấy tóc gáy sồn,

không thấy máu lạnh buốt trong da, như người ta thường thấy, khi đối mặt trao lời với thần. Tôi cứ tự-nhiên mà đứng dậy. Tôi nghĩ lời đó là lời của thần Mi-ne hiện lên khuyên bảo cho tôi, nên tôi giơ hai tay lên trời mà vái lạy. Từ lúc ấy thì tôi nghe mình thấy mình hóa ra người khác, thấy trong trí khôn như có khí sáng soi rạng, tự hồ như mình mới có một cái sức khoan-từ nó ngăn cầm lấy tinh-dục, để kiểm thúc cái tinh bung-hàng của trai trẻ. Cách cư xử của tôi khiến cho cả lũ mục-nô trong vùng sa-mạc ấy cùng yêu. Đến như tên nô-thủ Bru-tích, là đũa có quyền nhất trong đám ấy, khi trước muốn làm cực tôi, sau thấy tôi có tinh hiền-hòa, có lòng kiên-nhẫn, có nét chăm chỉ, cũng phải thuận tinh lại.

Tôi kiểm sách vở mà đọc, để khiến cho cái thân đầy-đọa, cái phận bơ-vơ, nó dễ chịu hơn. Vì tôi ở đấy chẳng được ai dạy bảo cho đề nuôi tri-khôn, thì buồn lắm. Thường tôi vẫn nghĩ rằng: Sướng thay những kẻ biết chán cuộc vui thú quá độ, mà biết thỏa lòng ở cách ăn ở dễ dàng! Sướng thay là những kẻ biết lấy sự học làm tiêu khiển, lại thích lấy cách vật tri-tri làm kẻ nuôi óc! Những kẻ ấy, dầu chẳng may có phải đầy đọa đi chốn nào mặc lòng, bao giờ

cũng như mang sẵn đi theo một người bạn tri-kỷ ở trong mình. Sự lãn-thần thường cào cào kẻ vô học ở giữa cuộc vui cười yến tiệc, vậy mà kẻ mèn xem sách dẫu ở một mình tại nơi thanh vắng cũng không biết đến. Sương thay là những kẻ yêu đọc sách mà chẳng phải như ta ở nơi không có sách mà coi!

Tôi vừa bâng-khuâng tưởng đến những điều ấy, tôi vừa đi thẳng vào trong rừng rậm. Thành linh tôi gặp một ông cụ tay cầm quyển sách. Trán cao mà sói, lại hơi giãn giãn. Một bộ râu trắng như tuyết lòng thông xuống đến ngang bụng. Người cao dong-dạc, dáng điệu uy-nghi. Nước da còn hồng hào tươi tốt, con mắt lạnh mà sắc; tiếng nói khoan như ru, lời lẽ dàu ra dấy măn-mà. Tên ông lão ấy là Tê-mô-di-ri (*Termosiris*), vốn là một ông đạo-sĩ thờ thần A-bô-lô (*Apollon*) (17) ở trong một cái miếu bằng đá hoa của nhà vua Ai-cập đã dựng nên trong quãng rừng đó. Sách ông lão cầm trên tay, là sách kinh để tụng niệm các thần-minh. Đạo-sĩ khoan hòa mà tôi hỏi tôi, tôi đứng hầu chuyện; ông già kể cho tôi nghe những việc đã qua, khác nào như việc lại hiện ra trước mắt. Mà cụ khéo kể văn tắt làm sao, nghe chẳng bao giờ thấy chán. Cụ lại bàn những cuộc tương-lai, rõ thật con người

lịch-lãm, biết rõ lòng người, lại tính được cơ thành bại của những cuộc người ta mưu nghĩ. Cụ nói như câu nhắc từng câu, mà vui sao, dễ dãi sao, có lẽ đương trai trẻ nhiệt thành, hồ dễ đã ai mặ-mà như ông cụ già phơ-phơ đầu bạc ấy. Bởi vậy cụ thường yêu mến những kẻ đầu xanh tuổi trẻ mà biết nghe, biết thích điều đạo đức.

Chẳng mấy lát, cụ đem lòng yêu mến tôi, lại cho tôi sách mà coi cho giải-trí. Cụ thường kêu tôi là con. Tôi thường nói với cụ rằng: Thừa cha! Thần-minh đã bắt con phải li biệt hiền-sư con là Men-tô, lại thương đến con, mà đun dủi cho con gặp được cha đây, khác nào như cho kẻ dui què cái gậy mà chống.

Cụ già đó, khác nào như thần Ô-phê (18) (*Orphée*) như thần Li-nuy (19) (*Linus*), ý hầu là một người tu-hành đã đắc pháp, có thần-minh ứng vào miệng. Hết đọc cho tôi nghe những thơ của cụ làm, cụ lại đọc cho tôi nghe những thơ hay của các nhà thi-sĩ có đại tài. Khi cụ bận áo trắng toát dài lưng-thụng, rồi cụ nâng cái đàn ngà bầy dây lên mà gảy, thì nào hùm, nào gấu, nào sư-lữ đầu đầu phải chạy đến liếm chân, quẩn quit quanh mình. Những thần Sa-ty (20) (*Satyres*) ở trong rừng cũng ra mà nhảy múa xung

quanh. Tiếng đàn đánh ra, tự hồ như cỏ cây cũng cảm tình, đá trên núi cao như cũng tần ngần muốn lặn xuống gần mà nghe. Cụ chỉ hát mà ca-tụng đức-tinh thần-minh, tài năng kẻ anh-hùng, và nét hạnh những bậc hiền-nhân quân-tử, biết ra điều to tát hơn những cuộc vui thú nhỏ nhen.

Thường cụ vẫn khuyên tôi cứ vững tâm lòng, mà tin cậy rằng thần-minh chẳng phụ cha con nhà tôi. Cụ lại bảo tôi noi gương thần A-bô-lô (*Apollo*) mà dạy dân du-mục ấy học lấy những nghệ cầm thi. Cụ bèn kể chuyện rằng: /

Ngày xưa A-bô-lô thấy chúa thần Giu-bi-tê (21) (*Jupiter*) cậy có sấm sét mà làm kinh thiên động địa, đương lúc trời xanh khi tinh thì làm cho phong vũ nổi âm, thần bèn lập chí báo thù những quân Xích-lộc-ba (*Cyclopes*) (22) rèn lưỡi tầm-sét, bèn lấy cung mà bắn. Từ lúc đó núi Êt-na (*Etna*) (23) không phun ra lửa nữa; không ai nghe thấy những nhát búa dữ dội làm cho rung động các nơi biển sâu hang thẳm nữa. Sắt và đồng đen không có người Xích-lộc-ba mài rũa, hóa ra gỉ cả. Thần Vun-canh (*Vulcan*) (24) tức giận, ở trong lò lửa đỏ, chảy ra; tuy chân khắp khễnh mà cũng cố chạy ngay lên thiên-đỉnh Ô-liêm-bá (*Olympe*); mồ-hôi đổ ra như tắm mà đen xì những bụi bậm, chạy vào đến chỗ

Les Aventures de Télémaque, par Fénelon.
Trad. en annamite par Nguyễn Văn Vĩnh.
7 fasc. Trip Trung Bắc Tân Văn, Hanoi 1927
10

Coll. La Pensée de l'Occident

80 17 1/2

classiques.

các thần hội-nghị, kêu nài oan ức. Chúa-thần Giu-bi-tê giận lắm, bèn đuổi A-bô-lô ra ngoài thiên-phủ, rồi xô cho té xuống địa-gian. Cỗ xe của A-bô-lô thì cứ một mình đi quanh như cũ, để cho người ta có đêm có ngày, có bốn mùa chuyển vận. Thần A-bô-lô thì bị lột hết cả các tua hào-quang, rồi phải đẩy xuống hạ-giới ta chẵn đê cho vua Át-miết (*Admète*). A-bô-lô thối ống tiêu làm cho bao nhiêu mục-đồng kéo nhau đến cả dưới bóng cây du (25) ở bên bờ suối nước trong, mà nghe tiếng hát hay như gió thoảng. Nguyên trước những quân du-mục vẫn là một dân mọi rợ, độc ác như thú dữ, chỉ biết chẵn đàn dê hái, biết cắt lông, biết vắt sữa mà làm bánh. Cả một vùng vắng tanh như thể bãi sa-mạc, cảnh-tượng diu hiu. Sau nhờ có thần A-bô-lô dạy bảo cho, mới biết mấy nghề xảo-mỹ, đê tô diêm cho tháng ngày vui thú. Từ ấy trở đi mới biết hát mà tả cảnh mùa xuân trăm hoa đua nở, ngào ngạt hương thơm, lá xanh chi chít. Rồi lại tả đêm mùa hè quang đãng, có trăng trong, có gió mát, sáng ngày ra có hạt sương gieo nặng đầu cành, khác nào như đê cho đã khát mặt đất khô khan. Lại hát những trái vàng của mùa thu đem thưởng cho những kẻ khó ngọc vun trồng. Mùa đông nghỉ ngơi, có cảnh vui thú của thiếu-niên đương buổi mận mà ân-ái cùng nhau đến

nhảy múa bên ngọn lửa to. Lúc thì tả cảnh rừng rậm xanh rì mọc trên núi đỏ, những khe những lũng sâu hoắm, các sông các ngòi chảy quanh chạy quẩn, qua những bãi cỏ xanh tươi. Thần lại dạy cho dân du-mục biết rằng trong Tạo-hóa có thú tự-nhiên, ai biết hưởng thì dẫn ở chốn lâm-tuyền cũng nhiều vui thú. Từ đó dân du-mục chỉ có cái ống tiêu mà cho thân là sướng hơn làm vua thiên-hạ. Dưới lều tranh mà ngắm cảnh vui thanh, những cảnh ấy thường trốn tránh các nơi lâu-son gác-tia. Những con gái chăn dê đi đến đâu, vui cười đùa bỡn, thanh-tú dịu dàng đến đó. Mỗi một ngày là một ngày tết. Ở trên cành cây, tiếng chim kêu riu-rít, hơi gió thổi hiu-hiu. Hoặc tiếng nước suối đục trong róc-rách ở lưng đèo. Hoặc tiếng hát nhặt khoan của lũ mục-đồng đi theo sau lưng A-bô-lô. Thần lại còn dạy chúng chạy thi, ai nhanh lấy giải; khi lại bảo chúng tập bắn cung săn lũ hươu nai. Dân du-mục thành ra một thế-giới cực lạc, đến nỗi thần-minh ghen tị, bèn gọi phất A-bô-lô trở lên thiên-đình Ô-liêm-bá.

Hỡi con! con nên nghe truyện ấy mà học lấy bài hay. Cảnh con ngày nay, có khác gì cảnh thần A-bô-lô ngày trước. Vậy con nên noi gương thần mà mở mang cho cõi diu-hiu, con làm làm sao cho trên bãi sa-

mạc, mọc được lá xanh hoa thắm. Con dạy cho những quân mục-nô này biết cái thú hòa-nhã thanh tao; khiến làm sao cho những tình cực cần mọi rợ của chúng nó hóa ra thuần. Bầy cho chúng xem cái vui thú ở hiền. Dạy cho chúng biết rằng trong phận bợ-vơ nơi quăng vẳng của kẻ chần đê có nhiều cái vui chẳng ai cướp được. Con ơi! rồi cũng có một ngày con sẽ nôm thấy những cái phiền não, những nỗi lo âu của kẻ làm vua, rồi con ngồi trên ngai, mà nhớ mà tiếc những cảnh êm ái chốn lâm-tuyền.

Đạo-sĩ nói xong như vậy rồi cho tôi một cái ống tiêu rất êm tiếng, đến nỗi thổi lên thì vang lừng khắp trong các núi, làm cho các mục-đồng gần miền kéo nhau cả đến mà nghe. Giọng tôi tự dưng hóa ra hay như chuông kêu như gió thoảng, cất tiếng hát như có thần ứng khẩu, như quên mất cả hình-hài, tôi thường ca tụng cây xanh cảnh đẹp, những thú thiên-nhiên của Tạo-hóa đã đem trang sức cho núi cho sông cho đồng cho đất. Thường chúng tôi hát suốt ban ngày, rồi lại hát đến đêm khuya. Khi tôi giảng dạy cho lũ mục-đồng thì chúng quên lều tranh, quên đàn dê, mà đến đứng im như phong-đá để mà nghe. Bãi sa-mạc tự-dưng mất cảnh diu-hiu hóa ra nơi vui thú. Người đi đến đâu tựa như cây bỏi đá chào.

Người có lễ phép, làm cho đất cũng hóa hiền-từ.

Thường thường chúng tôi lại họp nhau đến cúng tế thần A-bô-lô ở trong miếu đá của Tê-mô-di-ri-xĩ. Những mục-đồng trai thì đầu kết mũ hoa mà đi lễ; những mục-đồng gái thì vừa đi vừa múa, đầu cũng gài hoa, lại đội đồ lễ. Cúng vái xong trai gái cùng họp nhau ăn tiệc toàn bằng giã-vị, như sữa dê tay vắt lấy, như trái chín tay hái lấy, nào trái trám, trái vả, trái nho; lấy cỏ xanh làm chiếu, lấy cành cây làm nhà, mà mát mẽ thênh thênh hơn là nệm gấm ở dưới lầu vàng.

Bấy nhiêu điều đã đủ làm cho tôi nên danh tiếng ở trong đám mục-đồng, lại còn sinh ra một việc nữa làm cho ai cũng biết tài tôi. Một bữa kia có con sư-tử đói ở đâu chạy đến lăn vào đàn dê của tôi, cắn giết huyên thiên. Bấy giờ tay tôi chỉ cầm co cái gậy thường nhà mục-đồng. Vậy mà tôi dám đánh bạo bước lên. Con thú dữ xù lông bồm, nhe nanh, giơ vuốt nhọn, há một cái miệng đỏ như máu nóng như lửa ra; vẫy đuôi mà đập vào sườn. Thế mà tôi đánh được nó. Nguyên theo tục nhà mục-đồng xứ Ai-cập, tôi bận một cái áo giáp bằng thép, cho nên vuốt nhọn nó chẳng xé được thịt tôi ra. Ba lần tôi đè nó xuống, ba lần nó lại vùng được dậy, nó gầm thét

quát tháo kinh thiên động địa một khúc rừng. Sau rồi tôi ôm chặt được nó chết ngạt trong cánh tay. Các mục-đồng khác coi thấy tôi thắng được sư-tử như vậy thì mừng, muốn để tôi lột da con thú dữ mà làm áo.

Cái thủ-đoạn đó và những việc hoán cải trong cách ăn ở đám mục-đồng tiếng đồn đi khắp đất Ai-cập; đến tận tai vua Xê-dốc-trích. Ngài thoảng nghe thấy rằng một người trong hai người bắt được ở thuyền buôn xứ Phê-ni-xi, đã đem được thế-giới cực-lạc vào nơi sa-mạc bắt mao. Ngài muốn coi mặt tôi, vì ngài cũng là một tay tài-tử. Vả lòng rộng rãi của ngài có ý sẵn nom đến những việc khai-hóa cho-đân. Tôi vào yết, ngài có ý để tai nghe lời tôi tâu, thì ngài nghiệm ra rằng người Mê-tô-phi-xĩ vì tham mà dối chúa, ngài bèn bắt tội người ấy phải giam chung thân và tịch-ký hết gia-sản, toàn là những của vô nghĩa. Ngài lại than rằng:

Than ôi! khổ thay là những người ở trên nhân chúng. Lắm khi phải nom bằng mắt người ta. Xung quanh mình, nhan nhản những kẻ ngán đón sự thực. Mỗi người đứng gần ta là một người có một cái lợi nó xui phải đối ta. Mỗi người xúm-xít quanh mình ta, giả dạng hết lòng giúp đỡ, là trong bụng chứa một bụng tham riêng. Ai cũng giả cách yêu vua, kỳ thực chỉ yêu ơn vua

thường, lộc vua ban mà thôi. Than ôi! chúng yêu ta đâu lại tâng nịnh ta, và dối ta để mà hưởng ân ta.

Sau ngài đem bụng thương yêu tôi lắm. Ngài đã định ban cho mấy chiếc thuyền để về cố-quốc, lại giúp viện cho ít nhiều quân để cứu vương-mẫu ra khỏi tay mấy thằng bẽ-nghẽ.

Thuyền bè đã sắp cả rồi, chỉ còn có việc xuống thuyền mà đi thôi. Kỳ thay là cái vận con người ta. Nó đè rấp ta đấy, rồi nó lại nâng ta ngay lên cao đấy! Tôi ngẫm đến cảnh mình lại suy ra cái cảnh hoàng-phụ. Ngài trải hết gian-nan như ta, có lẽ cũng như ta đã gặp vận may được về cố-quốc. Ta lại tưởng nhớ đến hiền-sư ta là Men-tô, bấy giờ không biết ở phương nào trong nước E-tiêu-bi (*Ethiopie*)? Có lẽ sư đệ lại còn được gặp mặt nhau. Trong khi tôi trì hoãn việc đi, có ý để dò la han hỏi cho biết tin thầy, thì vua Xê-dốc-trích khi ấy tuổi đã già, tự dưng không bệnh mà mất, làm cho tôi đã tưởng thoát vòng khổ-hải, ai ngờ lại mắc gian-nan.

Vua mất, cả dân Ai-cập lâm than thương tiếc. Mỗi một nhà hình như mới thiệt mất một người bạn tốt, một người bảo-hộ có quyền, một người cha hiền yêu mến. Các ông già thì hay giơ tay lên trời mà kêu rằng:

Chưa bao giờ nước Ai-cập đã từng biết một đấng minh-quân như vậy. Bao giờ nước Ai-cập lại được một đấng minh-quân như vậy? Trời đất thần-minh ôi! Sao trời đất thần-minh cho nhân-gian được thấy đấng minh-quân ấy làm gì? mà đã cho được thấy, thì sao lại nỡ để cho chúng ta phải than khóc ngày nay. Ô-hô! vua Xê-dốc-trích, vua đã thẳng-hà thì chúng ta sống làm sao được nữa. Những người trẻ tuổi thì nói rằng: Hi-vọng của Ai-cập mất rồi! Sương thay là ông cha chúng ta đã được làm tôi minh-chúa. Đến chúng ta đây thì ra chỉ được biết ngài để mà than khóc ngài.

Những kẻ hầu cận vua đêm ngày khóc lóc. Ma chay vừa mất bốn mươi ngày, dân tứ xứ kéo nhau đến đông như kiến, vì ai cũng muốn được nhìn thánh-thể một lần; ai cũng muốn in cái vẽ ngài vào trong dạ nhớ. Có lắm người lại muốn được ơn chôn sống cùng vua.

Vua Xê-dốc-trích mất đã là một cái nạn to cho nước, thái-tử là Bốc-cô-ri-xi (*Bocchoris*) lên nối ngôi trời, lại phải là người tệ ác, lấy cách già-man mà đãi người ngoại quốc; không thiết gì sự học, không biết chuộng người hiền, lại chẳng quản gì tiếng xấu. Than ôi! cũng bởi cha hay mà hóa ra con chẳng đáng kể nghiệp chút nào. Vốn

Đông-cung từ thừa nhỏ được ở nơi tế-nhuyền, tập những thói kiêu-căng; chẳng coi người ta ra giống gì, yên trí rằng trăm họ sinh ra là để cho mình, mà mình là một nơi đặc-biệt; chỉ biết nghĩ đến cách ăn chơi cho thỏa thích, đến cách xa phí những của vua cha để dành dựm trong kho; đến cách làm cực nhân dân; đến việc rút xương hút máu kẻ nghèo; và chỉ nghe những cận thần nịnh hót. Còn những bậc lão-thành, những người hiền trí, làm tôi tiên-đế ngày trước, thì đuổi đi không dùng. Thật là một con yêu quái, chứ chẳng phải là một ông vua. Cả xứ Ai-cập lắm than rên khóc. Tuy đã có cái công-đức của tiên-đế di lại, trăm họ cũng còn vị tiên-đế mà cần rặng chịu cực, nhưng thói tàn ác cũng chẳng được lâu. Ông vua chẳng đáng vì dượng ấy, tất nhiên cầm quyền không được mấy ngày.

Tôi thì không còn mong được trở về cố-quốc nữa. Tân-quân đem giam tôi vào một cái đồn bên bờ biển, gần ngay cửa Bê-lur-do (*Péluse*). Vì vua Xê-dốc-trích mà còn lại, thì tôi đã sắp xuống thuyền ở ngay cửa ấy.

Người Mê-tô-phi-xĩ thì khéo lo liệu thế nào cho ra khỏi ngục, lại mon-men được đến làm cận-thần cho chúa mới. Tôi bị phải giam cũng là bởi nó trả thù. Ngày đêm tôi luống buồn rầu thảm thiết. Bao nhiêu

những lời đạo-sĩ Tê-mô-di-ri-xơ nói trước, bao nhiêu những lời nghe trong hang núi, bấy giờ tôi cho như giấc chiêm-bao. Tôi đau lòng đến nỗi ử-dột mặt mày. Khi tôi thấy om sòm tiếng sóng kêu quanh pháo đài; lúc tôi nhìn theo những thuyền bè nhan nhản của ai, bập-bồng trên mặt biển sôi, gió táp sóng lay trên mấy hòn núi đá. Vậy mà tôi đã chẳng phân nản cho những kẻ nguy nan trôi nổi trên thuyền, tôi lại còn ao ước gì được ra cùng với họ. Tôi bụng nghĩ rằng: Một là chẳng mấy lâu họ đem cả bao nhiêu nỗi khổ-hải ở đời mà gìm dưới nước biển; hai nữa là họ đi về đến được nước nhà. Người ta chẳng được kia tất được nọ, mà tôi không mong được nọ, cũng chẳng cậy được kia.

Trong khi tôi ngồi tiếc hão thương huyền, thì tôi chợt nhìn ra thấy chi chít như rừng, những buồm cùng cột, mặt nước sủi bọt như sôi, bao nhiêu chèo vô. Nghe bốn mặt thì thấy tiếng la ầm-ỹ. Trên bộ thì thấy vài toán quân Ai-cập cuống cuống chạy đi tìm khi-giới, vài toán nữa thì chạy ra cửa biển đón thuyền. Được một lát, nhìn kỹ, thì ra những thuyền đó, là thuyền của nước Phê-ni-xi và của cù-lao Chi-bá-lộ (*Ile de Chypre*). Tôi bị nỗi chìm long đong mãi, cho nên mắt tôi coi các thuyền bè trên biển đã hơi sành.

Quân Ai-cập thi hình như kém mỗi đồng-tâm, chia làm mấy đảng. Số là vua Bốc-cô-ri-xĩ xử tàn ác quá, trong nước đã gây nên nội loạn. Tôi đứng trên pháo-đài nhìn xuống, thì thấy một cảnh dữ dội, một cuộc lưu huyết phi thường. Một bên thì quân Ai-cập làm nội-ứng cho giặc ngoài đi tới. Một bên thì quân nhà vua rối rít đối với giặc chưa xong, còn phải đối với quân nội-phản. Tôi thấy vua ngự-giá thân chinh, đứng đầu quân sĩ, hùng-dũng như thần Mạc-xơ (*Mars*) (26); xung quanh mình vua máu chảy thành sông; bánh xe giã thì như bồi như trát những máu đen xì, bón đặc lại, ngàu bọt lên. Khó nhọc lắm cỗ xe mới lăn được qua đồng xác người ngổn ngang trên đất trận. Ông vua thiếu-niên ấy, diện mạo khôi-ngô, mình cao đồng dục, trong con mắt có khí hùng mà lại có vẻ ngã lòng; can-đảm quá hóa ra chạy loạn, không biết giữ mình, không biết kín đáo, không biết lựa chiều mà xông vào trận giặc. Đã trót lỡ điều gì không biết vớt lại, cầm quân không có quyết định, không biết phòng những việc nguy-hiểm bên mình, không biết dè dặt những cận-thần và những mãnh-tướng đi hộ-vệ cho mình. Không phải là không có tài làm tướng. Vua vừa can-đảm vừa thông-minh; ngặt vì chỉ có học sách học thầy, mà chưa học cái gian-nan. Những

quan sư-phó chỉ biết nịnh mà không biết lấy tình thật khuyên răn, cho nên hư mất tình tốt tự-nhiên. Lúc được lên ngôi trời thì thấy quyền-thế to, thấy được sung sướng quá, sinh ra tự phụ, tưởng mình muốn chi phải được nấy; động điều gì trái ý thì giận nổi bưng bưng; không suy nghĩ gì nữa, không cảm được tình nóng-này, bởi tính kiêu-căng hóa ra như con thú dữ. Chỉ một lát là mất cả tình hiền-từ tự nhiên, lẽ thẳng tự nhiên, đến nỗi những người thân cận cũng sợ hãi phải đi trốn; chỉ ưa những kẻ khéo chiều lòng. Thành ra không biết giữ điều ích-lợi cho mình, không biết trung-dung, làm điều gì không thái quá thì bất cập, một rất nhiều, hai là bỏ phắt, khiến cho những người hiền phải ghét bỏ mà lánh đi xa.

Nhờ có sức hùng-cường cũng đương nổi với giặc được giờ lâu, nhưng sau cũng phải chịu chết. Mắt tôi được coi thấy vua Bốc-cô-rô-sĩ bị quân nước Phê-ni-xi lấy giáo đâm vào suốt ngực. Tay vua phải buông cương ngựa, từ trên xe mà ngã lăn xuống đất, rồi chân ngựa giầy séo lên trên. Một tên lính nước Chi-bá-lộ đến cắt đầu vua, rồi cầm tóc mà giơ lên cho quân tướng đều nom thấy.

Cả đời tôi sẽ nhớ đến cái đầu máu-me ghê gớm ấy, hai con mắt hết thần lim-dim nhắm lại, cái mặt xám xanh nghiêng-lệch; cái

miệng còn há hốc như đương nói dở-giang; cái điệu kiêu-căng nạt dọa người ta, mà dấu chết cũng hãy còn. Cái cảnh-tượng ấy tưởng cho đến-chết tôi cũng còn nhớ mãi, như thể đem vẽ ra trước mắt. Vì chẳng sau này tôi nhờ thần-minh mà lên được ngôi hoàng-đế, thì tôi chẳng bao quên được cái gương hay đã tỏ ra đó: Phạm kẻ làm vua thiên-hạ, hễ chẳng theo đường công-chinh mà trị dân, thì chẳng đáng ngôi cao, chẳng vẻ vang chi ở nơi quyền-thế. Than ôi! nếu trời đã sinh ra ta có số phải trị-vị, làm cho trăm họ được hưởng bình-yên hạnh-phúc, mà lại để cho trăm họ phải lâm than cực khổ, thì là rủi cho ta biết đường nào!

HỒI THỨ III

Tê-lê-mặc vẫn kể chuyện. — Vua Tê-mu-lich kế nghiệp cho vua Bốc-cô-ri-xi phóng xạ cho tù. Tê-lê-mặc nhân đó được xuống thuyền cùng với thủy-tướng Nát-ban đi qua thành Xuy-la (Tyr). — Nát ban khen người xứ Phê-ni-xi giàu mạnh, và phàn nàn cho xứ ấy cũng gặp vua Bích-mã-long (Pygmalion) hung ngược. Tê-lê-mặc ở thành Xuy-la ít lâu, xét nghiệm vì có gì mà thành ấy nên giàu mạnh. Khi Tê-lê-mặc sắp xuống tàu qua cù-lao Chi-

bá-lộ thì bị vua Bích-mã-long sai quân đi kiếm bắt, may có cung-nữ là A-xĩ-lác-bi đem người thế mạng mà cứu thoát được Tê-lê-mặc. Tê-lê-mặc qua cù-lao Chi-bá-lộ mà về cố-quốc.

Nữ-thần Ca-líp-xô nghe thấy những lời đ oan-chính ấy thì ngạc-nhiên. Thấy thái-tử thật thà kể những lỗi mình, khi quá vội vàng, lúc tự-phụ chẳng chịu nghe lời Men-tô, thì nữ-thần lấy làm thích chí lắm. Nàng thấy người thiếu-niên mà thật tình tự trách như thế, lấy làm cao thay mà đại lượng thay! Thật đã biết nhân điều đại trước, mà nên đáng khôn ngoan, biết dự-phòng, biết cầm tinh nết. Nàng bèn bảo thái-tử rằng: Xin chàng nói nốt đi. Thiếp vội biết về sau chàng làm thế nào mà ra khỏi đất Ai-cập, sau chàng lại gặp Men-tô hiền-sư ở nơi nao?

Tê-lê-mặc bèn lại kể rằng:

Bọn cận-thần của vua có ít, vả chẳng vua lại khuất rồi, cho nên phải chịu nhường ngay cho đảng nghĩa-sĩ. Họ lập lên một ông vua mới, tên là Tê-mưu-tích (*Termutis*). Quân nước Phê-ni-xi và cù-lao Chi-bá-lộ kết hiếu với vua mới, xong rồi kéo về. Vua tha cho cả những quân hai nước bị bắt tại Ai-cập. Tôi được tính vào số ấy. Họ bèn đem tôi ở trong pháo-đài ra, rồi cho xuống thuyền cùng với bọn người Phê-ni-xi được phóng

xá. Từ ấy trong lòng tôi lại thấy hằng chút hi-vọng. Con gió nổi lại thuận lá buồm, những tay chèo lại theo nhịp mà vô nước bọt ngẫu trên mặt biển, quăng rộng mênh mông mà chỉ chút những thuyền; quân thủy-thủ mừng reo âm-ỹ. Nhìn lên bờ thấy như đất Ai-oập chạy đằng sau; núi cao gò đồng mỗi ngày một thấy thấp: Lần lần chỉ còn thấy chân trời mặt nước chắm nhau. Mặt trời mọc lên, khác nào như lửa dưới thủy-phủ ngùn ngụt bốc lên. Ánh nắng buổi sớm như tô vàng vào ngọn núi đằng xa còn hơi nom thấy. Cả một cái vung trời, sơn mừi thiên-thanh, đã như hẹn với chúng tôi sẽ được bình yên chu toàn mà đến bến.

Tuy tôi được tha cùng với người xứ Phê-ni-xi mà cả bọn đi thuyền không ai quen tôi cả. Quan coi thuyền tôi là Nát-ban (*Narbal*) bèn hỏi tên tôi và xứ-sở tôi. Anh ở thành nào xứ Phê-ni-xi? — Tôi đáp: Tôi không phải là người xứ Phê-ni-xi. Nguyên quân Ai-cập bắt được tôi ở trên một chiếc thuyền của người xứ Phê-ni-xi, cho nên cho tôi là người xứ ấy mà giam chấp tôi, mà hành-hạ tôi trong bấy nhiêu lâu, sau lại nhân họ coi là người Phê-ni-xi mà được phóng-xá. Nát-ban lại hỏi: Vậy thì anh người ở nước nào? — Tôi đáp: ta là Tê-lê-mặc, con vua U-lich xứ Y-tắc, nước Hi-lạp, vua cha ta

khi trước đã cùng với các vua đánh thành Đạc-la-á nổi danh lừng lẫy. Chẳng may thần-minh không cho được trở về cố-quốc. Ta đã đi tìm cha đủ mọi nơi mà không thấy, lại cũng bị chim nổi long đong. Vậy thì ta đây là một người con rất khổ chỉ cốt đi tìm thấy cha, một người rất cực chỉ mong được về quê hương với thân-thích.

Nát-ban nhìn tôi lấy làm lạ, hình như thấy sự khác thường. Người ấy lòng thật mà bụng tốt. Thấy tôi khổ sở thì có ý thương tình, cho nên có bụng tin mến mà mối, khác nào như thần-minh duna dũi để cứu lấy tôi ra khỏi nạn to.

Hỡi thái-tử Tê-lê-mặc, ta không còn ngờ lời người nói nữa, ta không thể ngờ được. Trên nét mặt còn rành rành như vẽ cái gian nan, cái lòng đạo-đức, thì ta đâu lại dám còn ngờ. Vả ta đây xưa nay vẫn một lòng thờ kính thần-minh, thì ta nghe như thần-minh cũng vị người, mà muốn cho ta phải yêu người như thể con ta vậy. Ta muốn khuyên người một câu hay, mà ta chẳng cần người báo đáp gì, chỉ xin người giữ kín cho ta mà thôi. Tôi đáp: Xin ông chớ ngại tôi chẳng giữ được miệng. Tuy tôi còn tuổi trẻ, mà đã già ở trong thói quen ngậm miệng, nhất là việc kín của người thì tôi lại phải

ngậm miệng hơn nữa, dẫu rằng chết đến nơi cũng chẳng dám hở môi.

Chúa tàu hỏi tôi rằng: Người còn trẻ tuổi như vậy, thì làm thế nào mà noi được một kình đao? Ta ước gì được biết người dùng cách nào mà noi được thói hay ấy, là gốc sự ăn ở khôn ngoan, phi có nó bao nhiêu tài-năng người ta cũng là uổng.

Tôi đáp: Khi hoàng-phụ tôi ngự-giã đi đánh giặc Đắc-la-á, thì ngài có ẵm tôi trên đầu gối (Đó là truyện người khác thuật lại cho tôi biết). Ngài âu yếm hôn tôi. Tuy tôi chưa biết nghe, ngài cũng dặn tôi rằng: Hỡi con! Vì bằng cái số con về sau chẳng được nên người đức-hạnh, thì thà rằng thần-miêu đừng cho cha con ta được thấy nhau nữa. Thà rằng cái kéo của thần Bạc-khắc (*Parques*) (27) nó cắt đứt ngay cái dây thừng ngày của con, từ lúc mới tuôn, như thể người thợ gặt đang tay lấy liềm cắt mạ hoa chưa nở (*Cầm như chẳng dỏ những ngày còn xanh*); thì rằng quân giặc đến giết phăng con trước mắt mẹ con và trước mắt ta. Cha tôi lại ngánh lạ, các đình-thần mà rằng: Hỡi bá quan! Trẫm trao lại cho bá quan đứa anh-nhi này quý-báu của Trẫm đây, như là trao cho ban thiết. Bá quan sẵn sàng lấy con ta. Nếu bá quan yêu ta, thì xin đem những cách tung nịnh mà để cho xa, bá quan

đạy con ta cho nó biết tự mình kiểm-thúc lấy mình ; xin bá quan coi nó như một gốc cây non, phải uốn phải nắn mới nên cây đẹp. Nhất là xin bá quan phải hết sức mà đạy cho con ta biết nghĩa công chính, có bụng hiền-từ, có lòng thành thực, mà điều kín đáo phải biết giữ gìn không được tiết-lộ ra. Người mà đã nói dối được, thì không đáng kể là người nữa ; kẻ mà không biết ngậm miệng thì sao cho đáng bậc trị-dân.

Ta ôn lại được những lời nghiêm-huấn đó, là vì các cận-thần thường đình-ninh nói đi nói lại cho ta ghi lấy vào lòng mà thường ta vẫn nhằm cho nhớ như chôn vào ruột. Các quan cựu-thần của cha ta đã đạy cho ta biết giữ cẩn thận điều kín từ thuở nhỏ. Khi bấy giờ ta còn non trẻ, mà các ngài đã ngỏ cho ta biết những nỗi buồn rầu vì các ngài thấy Hoàng-mẫu ta bị trăm nghìn kẻ đến săn-sóc muốn lấy. Vậy thì ra các quan đã coi ta như một người lớn biết suy biết nghĩ, biết cẩn-thận rồi, thường các ngài bàn với ta những việc quan-trọng nhà-nước ; các mưu kế các ngài định làm thế nào để đuổi những kẻ săn sóc bên mình hoàng-mẫu, thì các ngài cũng cho ta biết cả. Ta thấy bá quan tin ta như thế thì ta mừng lắm, và ta tưởng ta đã nên bậc trưởng-thành. Vậy mà chẳng bao giờ ta tự-phụ,

chẳng bao giờ ta có lỡ để tiết-lộ ra điều gì. Thường thường bọn cầu-thân vẫn cố sức đồ dành ta để ta nói, những tưởng trẻ con dại nết tai nghe mắt thấy điều gì quan-trọng, tất phải vạ miệng nói ra. Vậy mà ta khéo đáp chẳng phải đối ai mà cũng chẳng phải tỏ cho ai biết những việc không nên nói.

Tôi nói thế ấy thì Nát-ban bảo tôi rằng : Hỡi Tê-lê-mặc ! người coi đó thì biết người xứ Phê-ni-xi phú-cường là thế nào. Nước ấy thuyền bè rất lắm, các nước lân-bang nước nào cũng phải sợ. Người Phê-ni-xi đi buôn bán xa đến tận Hách-cưu-la trụ (28) cho nên giàu-có hơn các nước thịnh nhất xưa nay. Ai-cập đại-đế là Xê-dốc-trích (*Sésostris*) đã đánh mãi đường biển mà không thắng được nước ta. Sau phải đánh mặt bộ, dùng toàn những quân thừa thắng mới đi lấy phương đông về, mà cũng khó lòng mới được. Vua Xê-dốc-trích bắt chúng tôi nộp cống chẳng được bao lâu. Dân chúng tôi giàu thế, mạnh thế, há lại ẽ vai gánh nặng, chịu ở phận nô-lệ được mãi ? Mới đây chúng tôi lại khôi-phục được tự-do. Nhờ có cái chết ở đâu nó đến bắt vua Xê-dốc-trích phải để dở-giang việc đánh nhau với nước tôi.

Nói cho phải thì chúng tôi sợ cái khôn-ngoan của vua Xê-dốc-trích nhiều, mà sợ oai-quyền ngài thì ít. Kế đến oai-quyền ấy lại qua tay vua con là Bốc-cô-ri-xĩ (*Bocchoris*) là một ông vua hôn-ám, thì chúng tôi nghĩ không còn phải sợ chi nữa. Vả lại người xứ Ai-cập chẳng những không muốn đem khí-giới sang đánh nước tôi lần nữa, mà lại còn sang cầu cứu nước tôi, xin giúp viện cho ít quân để về hạ vua vô-đạo và tàn-ác xuống. Thành ra chúng tôi đã cứu được dân Ai-cập. Đã khôi-phục được tự-do, đã được thịnh-vượng giàu-có, mà còn thêm được cái danh-giá ấy thì vẻ-vang biết là ngần nào!

Than ôi! hay đâu trong khi người nước tôi đi cứu được kẻ khác ra khỏi chốn lao-lung, thì nước tôi lại cũng bị trời buộc nơi cường-quyền hạ. Hỡi Tê-lê-mặc thái-tử! người nên sợ vào phải tay vua Bích-mã-long (*Pygmalion*) nước ta. Tay độc-ác ấy đã nhúng vào máu người Xi-sê (*Sichée*) là chồng của công-chúa Đi-đông (*Didon*) (29) chính là em ruột vua Bích-mã-long. Công-chúa hiện đã đem mấy chiếc tàu ra khỏi Xuy-la (*Tyr*) là có ý báo cứu cho chồng đó. Phần nhiều những kẻ có nghĩa-khí, biết yêu đức hạnh, biết mến tự-do, là đã đi theo công-

chúa cả rồi. Công-chúa đã dựng nên được một thành-phố đẹp ở trên bờ biển Phi-châu, gọi là thành Khách-tôi-co (*Carthage*) (30). Vua Bích-mã-long lòng tham vô hạn, mỗi ngày một xử tàn-tệ với dân. Ở Xuy-la bây giờ ai giàu-có là kẻ có tội, vì vua biển-lặn sinh ra chứng thấy ai cũng ngờ-vực, ghen ghét với cả mọi người, ăn ở thật là tàn-ác. Vua thấy ai giàu thì hành-hạ, thấy ai nghèo thì lại nghi-ngờ sợ-hãi. Giàu đã là tội, có đức-hạnh lại là tội nặng hơn, vì vua Bích-mã-long nghĩ rằng kẻ có đức-hạnh tất không chịu được những thói ác ngược của mình. Đạo-đức cho ta là ác, nên ta cũng tức mình mà ghét đạo-đức. Vua thấy gì cũng động lòng, cũng chột dạ, cũng như ai cào ruột xé gan, đến nỗi mình lại sợ cả bóng mình. Đêm ngày không có giấc ngủ say. Thần-minh khinh ghét cũng chơi khăm, lại cho vô số của mà không được hưởng. Vua càng gia công tìm cái sướng, thì lại càng cực khổ. Ban cho ai của gì rồi lại tiếc, từng thí suy hơn quản thiệt, quanh năm chỉ những muốn găm vào. Đến nỗi chẳng mấy khi ai được thấy mặt: cứ thui-thủi một mình, buồn rầu, ủ-dột, ở trong cung thăm điện xa. Đến những bậc thân cận với ngài xưa nay,

cũng không dám đến gần, sợ ngài ngờ vực. Luôn luôn một đạo ngự-lâm cứ gươm tuốt trần, giáo dựng ngược ở quanh cung cấm. Trong cung thì chia ra làm ba-mươi phòng, có cửa thông luôn với nhau, mỗi cửa bằng sắt dày, có sáu then khóa lại. Đó là chỗ ngài ngự, mà chẳng bao giờ ai được biết ngài ngự phòng nào, mỗi lúc dời đi một chỗ, chỉ những lo có người mưu hại, chẳng biết vui cười êm ái là cái gì, không biết tình bằng-hữu tin yêu nhau là cái thú thế nào. Hễ ai bàn đến cách cầu vui, thì ngài thấy như cái vui nó chạy đi xa để lánh mặt ngài, dẫu đem mà cố ấn nó vào lòng ngài, nó cũng không thể vào được.

Hai con mắt trũng hình như có ngọn lửa nồng ngùn-ngụt cháy, luôn luôn nhìn ngược lại nhìn xuôi. Chợt có tiếng động là giật mình tai lắng kỹ, trống ngực đồ từng hồi. Màu da xanh lợt, mặt mày nhó nhảnh, khác nào như in rõ ra những nỗi ưu-phiền hắc-ám. Li-li chẳng nói, chốc-chốc lại thở vắn thở dài, như rên như rĩ, hình như có tình hối-hận gì nó xé ruột đốt gan. Cao-lương mỹ-vị nào mồm cũng biếng nếm. Nom thấy đàn con nhỏ, chẳng những không mong hậu-nhật, lại còn như hãi như kinh, thành ra mấy ông hoàng-tử hóa nên mấy người thù nguy-hiểm nhất. Trong suốt một đời chẳng

cổ phút nào là phút vững lòng, cứ phải luôn luôn ra oai lưu-huyết, động hồ-nghi ai là đem giết tức thì, mới yên được bụng lo. Ngu dốt thay là vua Bích-mã-long! há lại chẳng ngẫm rằng tin ở cách tàn-ác mà giữ lấy ngôi thiên-hạ, thì rồi lại chết ở cách tàn-ác ru? Trong bọn thị-tụng tất rồi làm sao chẳng có một người, cũng đa-nghi như chủ, sẽ ra tay một phen cho thế-giới thoát khỏi chúa yêu-tinh.

Như tôi đây, thì tôi hằng kính sợ thần-minh; thần-minh đã sai vua nào xuống trị vì, thì dầu có thiệt-thời là bao, tôi cũng xin giữ được tâm trung-can. Tôi vẫn nghĩ thà rằng mình chịu vua hại còn hơn là đeo tiếng mưu hại đến vua, còn hơn là chẳng hết nghĩa phò chúa. Đến như người, hồi Tê-lê-mặc! thì người chớ đại mà thú ra rằng người con vua U-lich. Nếu vua ta biết vậy, thì chắc tính rằng vua U-lich khi về cố-quốc, tất phải cho tiền sang chuộc lấy người về. Vua tính vậy thì tất vua giam cầm người lại.

Khi thuyền đã đến bến Xuy-la, tôi theo lời Nát-ban khuyên nhủ, thì quả thấy điều gì Nát-ban bảo cũng thật cả. Tôi không hiểu được vì lẽ gì mà một đấng con người lại có thể thành ra thảm-hại được như là vua

Bích-mã-long. Tôi nhìn thấy cái cảnh gờm, ghê mà lạ-lùng ấy thì tôi giật mình, bụng tôi mới nghĩ rằng: Đây chính là một người, vốn chỉ cầu cho sướng thỏa. Đã tưởng của cải nhiều, thân-thể lớn, là được sung-sướng. Thật muốn gì được vậy, mà hóa ra cực khổ thảm hại cũng bởi tiền của và thể-thần. Vì chẳng người ấy cũng đi chẵn dề như ta ngày nọ, thì chắc cũng được ném mùi sung sướng như ta; thì hẳn cũng biết hưởng cái vui thú vô hại chốn lâm-tuyền, mà những vui ấy tha hồ thỏa thích mà sau không phải hối. Nào sợ gươm đao, nào e thuốc độc! Chắc hẳn lại biết thương người, và biết đề người yêu. Thì có đâu phải khư-khư gìn-giữ đồng vàng kia, vô-dụng có khác chi đồng cát, vì có mà chẳng dám tiêu dùng. Thì có phải được tự-do mà hưởng các bông trái trời cho, chẳng bao giờ phải khát-khao thêm nhạt mà không phỉ. Ở 1 người này mới trông thì hình như muốn làm gì cũng được, mà ngẫm ra thật là bó buộc chân tay. Thì ra không theo ý mình mà làm. Trăm việc cử-dộng phải tùy cái tình-dục nó đốc-thúc xui-xiêm như có người tàn-ác sai bảo ức-bách mình. Thì ra luôn luôn chỉ những vị tham-lam, chỉ những vị lo sợ, chỉ những nghi ngờ. Mới trông thì hình như người ấy làm chủ cả người khác, ngẫm ra thì làm chủ mình cũng

chẳng nổi nữa khiến ai, mỗi việc ý muốn, mỗi điều thêm-thường thành ra một người chủ ác-nghiệt sai khiến mình.

Tôi nghị-luận vua Bich-mã-long như thế, mà không được yết-kiến vua, vì ông vua ấy không ai được thấy mặt, chỉ được đứng ngoài thành run sợ mà nhìn mấy cái tháp cao đêm ngày có linh canh giữ. Vua tự mình đem giam mình vào đó mà giữ bo-bo lấy vàng ngọc. Tôi đem ông vua không ai được thấy mặt ấy mà sánh với vua Xê-dốc-trích ngày xưa hiền-lành như thế, dễ-dãi như thế, mẫn-mã như thế, thù-tiếp người ngoại-quốc một cách tử-tế như thế; ai vào tàu cũng sẵn tai nghe như thế; lại khéo lòi ở trong ruột người ta ra cái sự thật, là cái người ta thường giấu-giếm vua. Tôi nghĩ làm bầm rằng: Vua Xê-dốc-trích ngày xưa chẳng sợ gì, mà cũng chẳng có điều gì phải sợ cả. Ngài xưa hằng vẫn dựng khiu đối mặt nói chuyện với dân như thể cha nói với con vậy. Còn như ông vua này thì gì cũng sợ, mà gì cũng phải sợ. Ông vua ác-nghiệt ấy, dầu ở luôn trong cung thăm không ai vào được, dầu mấy nghìn tinh-binh thi-vệ luôn luôn bảo hộ bên mình, tất rồi cũng có ngày phải chết đâm chết chém mà thôi. Đến như một bậc minh-vương như vua Xê-dốc-trích nước Ai-cập, thì dầu luôn luôn ở lộn với lê-dân,

như thể người cha hiền ở lộn với con, họ hàng luôn luôn quẩn-quít bên mình, mà chẳng bao giờ phải ngại ai làm phẩn.

Bấy giờ vua Bích-mã-long hạ lệnh cho những quân ở cù-lao Chi-bá-lộ sang giúp, về nước. Nguyên hai nước, trước kia kết hiếu với nhau để đối với Ai-cập. Nay việc Ai-cập đã yên, nên cho quân Chi-bá-lộ về. Nát-ban nhân dịp ấy mà tha cho tôi được ra khỏi vòng cầm buộc. Nát-ban cho tôi được đi diễm với quân Chi-bá-lộ. Phải dùng đến chức ấy, vì tình vua Bích-mã-long hay nghi quá, dầu Nát-ban có tâu cho tôi điều gì vua cũng không tin. Xét ra các ông vua dễ tình quá, không cẩn thận, thì thường có thói nhầm mất tin ở mấy kẻ bày-tôi gian-nịnh. Đến như ông vua này, thì lại đa-nghi quá, chẳng tin dùng lấy một người nào. Vua không biết phân những người ngay thẳng mà dùng. Cho nên cả đời không bao giờ được gặp tôi hiền, vì tôi hiền không ai đi đến tìm ông vua hôn-ám ấy mà thờ. Vả lại từ khi ngài lên ngôi thì ngài xét trong đám bày-tôi, ngài thấy bao nhiêu sự giả-dối, bao nhiêu sự điêu-ngoan, bao nhiêu thói hư-tệ, giấu ở trong những hình-dạng đạo-đức, đến nỗi từ đó ngài yên trí rằng phàm người ta ai ai cũng đeo một cái mặt giả ở ngoài, chẳng trừ lấy một người nào. Ngài nghĩ rằng ở

trên địa-diện không làm gì có đạo-đức thật; người ta ai cũng như ai cả. Khi ngài gặp phải một người giả-đối, điêu-ngoan, thì ngài cũng chẳng bỏ đi mà tìm người khác nữa, vì ngài đã đành rằng dẫu người khác cũng đến như vậy mà thôi. Những người hiền, ngài lại cho là tệ hơn những kẻ ác nom thấy, vì ngài đã yên trí rằng ai ai cũng như nhau, kẻ có dạng hiền tất là kẻ giả-đối nhiều.

Còn việc tôi, thì tôi vào lộn sòng với bọn quân (thi-bá-lộ), thoát được khỏi con mắt đa nghi của vua. Nát-ban chỉ những lo mưu tiết-lộ ra, thì vạ to hẳn đã đành, ân-nhân của tôi tất phải chết, mà tôi hẳn cũng không được toàn thân. Nát-ban nóng ruột, chỉ những mong cho thuyền chúng tôi đi ngay. Chẳng may phải độ trái gió, tôi phải ở lại Xuy-la cũng khá lâu ngày.

Tôi nhân dịp ấy mà xét những phong-tục nước Phê-ni-xi, là một nước có tiếng trong các nước hoàn-cầu biết tên. Tôi lấy địa-thể thành Xuy-la (*Tyr*) làm lợi lắm, vì ở trên đất cù-lao, giữa biển. Miền bờ biển gần đó đất tốt lắm, hoa màu rất sai, toàn những trái cây ngon, dân ở thật lắm nơi đông, làng xóm gần nhau san-sát, khí trời lại êm dịu, có một núi cao làm bình-phong chắn những gió nóng phương nam không thổi lên được. Gió bắc là gió biển thổi vào mát rười rượi.

Nước ấy ở ngay chân núi Li-băng (*Liban*), đỉnh núi rẽ mây chọc trời, luôn luôn đeo một tầng yáng, khác nào cái mũ muôn năm đội trên cao vót. Sông ngòi đầy những tuyết, như thác như suối từ trên các ngọn cao mà gieo xuống gènh. Ở dưới thì thấy một cái rừng rộng bùm-tum những cây bách-hương, cỏ-thụ, mọc lên chẳng biết từ thửa nào, cảnh thì rậm rạp che trời. Cảnh rừng, ở ngang sườn núi, thì những bãi cỏ xanh tươi, đó đây đi lại mấy đàn bò đực tiếng rống âm-âm, mấy lũ chiên cái tiếng kêu be-be, lũ chiên con thì mừng rơn nhảy nhót trên nệm cỏ tươi. Chỗ nọ chỗ kia chảy trăm nghìn suối nước trong, khác nào như huyết mạch chạy trên mặt đất. Ở dưới chân núi thì tựa như một cái vườn, xuân thu cùng vô tận, để cho người vừa hái quả lại được thưởng hoa thơm. Chẳng bao giờ gió nam nồng cháy, gió bắc buốt xương có dám thổi qua đến đó mà xóa những màu hồng lục đua tươi.

Thành Xuy-la (*Tyr*) xây nên ở trên một cái cù-lao giữa biển, ở ngay bên cái cảnh xinh đẹp ấy. Thành to ấy tựa như bơi trên mặt nước, mà làm chúa tể cả Đại-dương. Những kẻ đi buôn hoàn-câu cùng đến đó, mà người bản-xứ lại là những tay buôn giỏi trong thế-giới. Khi mới bước chân vào chốn

ấy, thì chẳng ai nghĩ đó là một thành riêng của nước nào, mà ai cũng tưởng đó là một thành chung của các nước rủ nhau đến đó mà buôn. Trước cửa biển có hai cái đê xây chia ra ngoài như hai cái tay giơ chắn sóng cho thuyền bè được đậu chốn vững vàng. Trong cửa thì cột buồm chỉ chít khác nào rừng, đến nổi đứng trong bờ không nom thấy biển. Dân thì ai cũng chuyên một nghề buôn; dẫu nhiều tiền lắm của rồi, mà ai cũng không chán việc lao cần để cho tiền của lại thêm nhiều. Khắp các phố thấy bày san-sát những vải gai rất nhỏ sợi nước Ai-cập, và vải thảm xứ Suy-la nhuộm hai nước, màu sáng lạ lùng, không phai không lạt được, thường người ta viền chỉ vàng chỉ bạc xung quanh mà dùng thay những hàng dương-mao. Người Phê-ni-xi đi buôn khắp các nước cho đến tận cửa Ga-đê-xi (Gadès) (31), lại đem thuyền vào đến Đại-dương (32) là biển đi quanh trái đất. Họ lại chở thuyền đi hàng năm hàng tháng trong Hồng-hải, rồi theo lối đó mà đi đến những cù-lao xa lạ mua vàng, mua các thứ nước hoa, và mua các giống vật lạ đem về.

Tôi nhìn cái quang-cảnh đẹp đẽ ấy, cái thành-phố dộn-dịp ấy không sao chán được mắt. Ở đó, không như ở những thành-phố nước Hi-lạp, không có những kẻ ngồi rồi,

ngày ngày ra công-cộng trường (33) mà ngóng tin vật, hoặc đi ra bến mà nhìn những người ngoại-quốc đến. Đàn-ông thì luôn luôn bận việc rở hàng ở tàu lên bến, khiêng hàng ở bến về nhà, nào bán buôn nào bán lẻ, nào bày nào xếp lên yên, nào bút nghiên sổ sách, nợ ai, ai nợ rành mạch từng phân. Đàn-bà thì se dây quay sợi, hoặc vẽ kiểu thêu, hoặc gập gói những hàng tấm quí.

Tôi bèn hỏi Nát-ban : Bởi đâu mà người xứ Phê-ni-xi cầm được thương-quyền thế-giới trong tay ; bởi đâu mà đi thu được của thiên-hạ về nước mình ? Nát-ban đáp : Người coi đó thì biết. Địa-thế thành Suy-la rất lợi cho việc buôn. Cái vinh-dự bày ra cách đi vượt biển, là của nước quê hương ta đó. Xem trong những sách kể truyện đời xưa cùng kiệt, thì biết rằng người xứ Suy-la đầu tiên trị được sóng cả, kể từ trước đã lâu rồi hoa-tiên Ty-phi (*Typhis*) và những quân A-ngô-nột (*Argaunotes*) (34) mới làm danh giá được cho nước Hi-lạp. Trước nhất cả mọi người, họ dám cả gan ngồi lên trên chiếc thuyền mỏng mảnh như ngọn lá tre, mà đi xông pha sóng gió ; họ thăm dò rốn biển, họ xem sao trên trời, theo những phép của người Ai-cập và người nước Ba-by-luân (*Babylone*) ; họ lại làm cho bao nhiêu nước cách biển hóa ra liền. Người Suy-la khôn khéo,

TRUNG BẮC TÂN VĂN

NHẬT - BÁO

MỖI NGÀY IN RA SÁU TRANG

GIÁ BÁN :

	1 năm	6 tháng	3 tháng	1 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Ai-lao.	8\$ 00	4\$ 00	2\$ 00	1\$ 00
Nam-kỳ, Pháp-quốc và các Thuộc-địa Pháp. .	9 . 00	4 . 50	2 . 25	
Ngoại-quốc	11 . 00	7 . 00	3 . 50	
Các làng và các công-sở.	10 . 00	5 . 00	2 . 50	

Hạn mua báo kể từ ngày 1^{er} hoặc ngày 16 mỗi tháng.

Các ngài mua báo xin gửi trả cho tiền trước.

HỌC - BÁO

MỖI TUẦN-LỄ RA MỘT KỶ

Khẩn-thiết cho các trường Sơ-dãng công và tư

Mỗi năm. **12\$ 00**

Các vị giáo-sư mua thì tính giá riêng :

7\$ 20

Gửi thư và tiền xin cứ đề :

Trung Bắc Tân Văn, Hanoi

LA PENSÉE DE L'OCCIDENT

Bibliothèque de Traductions

- SÉRIE A. — *Œuvres Classiques*
Antiques ou Modernes
(Couverture crème)
- SÉRIE B. — *Œuvres Populaires*
Françaises ou Étrangères
(Couverture rouge)
- SÉRIE C. — *Ouvrages Didactiques*
et Livres de Vulgarisation
(Couverture verte)

Il paraît par mois au moins deux fascicules de 64 pages au minimum.

ÂU-TÂY TƯ-TỬ²ỞNG

Dịch-văn thư-xã

Chia làm ba loại :

- LOẠI A. — *Những sách kinh-diễn*
có hoặc kim (Bìa vàng)
- LOẠI B. — *Những sách quốc-dân đọc nhiều*
Nguyên-trước tiếng Pháp
hoặc tiếng ngoại-quốc (Bìa đỏ)
- LOẠI C. — *Những sách dạy học*
và sách phổ-thông (Bìa xanh)

Mỗi tháng xuất-bản ít ra hai quyển, mỗi quyển số ít là 61 trang.